

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI
PCI GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: **0305** / CBTT-PC1
No: **0305** / CBTT-PC1

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2024
Hanoi, April 04 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
To: The State Securities Commission
Hochiminh Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI/ *PCI GROUP JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán/*Stock code*: PCI

- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Số 18 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam/ *18 Ly Van Phuc, Cat Linh Ward, Dong Da District, Hanoi, Vietnam*

- Địa chỉ giao dịch/*Address*: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam/ *583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam*

- Điện thoại/*Tel.*: 024 3734 3060

- Fax: 024 3823 1997

- Email: cbtt@pcigroup.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI/
Documents of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders of PCI Group Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 04/04/2024 tại đường dẫn: <http://pcigroup.vn> /*This information was published on the company's website on 04/04/2024, as in the link <http://pcigroup.vn>*



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. */We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
Person authorised to disclose information



Số: 25 /NQ-PC1-HĐQT

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

V/v: Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (PC1);
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số 22/BB-PC1-HĐQT (NK 2020 -2025) ngày 3/4/2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024, cụ thể:

- Thời gian: 8h00 phút, Thứ 6 ngày 26/04/2024
- Địa chỉ: Hội trường PC1, Tầng 2 - Tòa nhà CT2, Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương, số 583 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điều 2: Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, cụ thể:

- Chương trình họp, Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) về kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch năm 2024;
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán;
- Tờ trình của HĐQT về nội dung thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Tờ trình của Ban kiểm soát về việc Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

Điều 3: Giao Tổng giám đốc Công ty triển khai các công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thực hiện Công bố thông tin theo quy định.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các Ban, phòng chuyên môn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 4.
- Ban kiểm soát (b/c).
- Ban NS, TC, KTNB (t/h)
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trịnh Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI

A: Toà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Luôn luôn tiến bộ

W: pci.group.vn

E: info@pci.group.vn

T: +84 24 38456329

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2024.

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn PCI trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

1. **Thời gian:** Từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 40 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2024.

2. **Địa điểm:** Hội trường tầng 2 - Công ty cổ phần Tập đoàn PCI.

Tòa nhà CT2, Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nắng Hương, số 583 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

3. Điều kiện tham dự Đại hội:

- Các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 20/03/2024.

- Cổ đông không thể đến dự đại hội có thể ủy quyền cho người khác. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản (theo mẫu ủy quyền của công ty gửi kèm hoặc tuân thủ quy định của pháp luật dân sự), người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

4. Nội dung Đại hội:

- Thông qua Báo cáo của HĐQT về Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 và Kế hoạch năm 2024.

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán);

- Thông qua Báo cáo thẩm định của BKS trình ĐHCĐ năm 2024;

- Thông qua Tờ trình của HĐQT Công ty về các nội dung:

- ✓ Phương án trả cổ tức năm 2023;
- ✓ Kế hoạch lợi nhuận và dự kiến chia cổ tức năm 2024;
- ✓ Thù lao của HĐQT, BKS;
- ✓ Trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2024;
- ✓ Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023;
- ✓ Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- ✓ Sửa đổi Điều lệ Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- ✓ Các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.



- Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

5. Tài liệu phục vụ đại hội:

- Quý Cổ đông có thể truy cập, tải về tại chuyên mục **Quan hệ nhà đầu tư** trên website của Công ty: <https://pclgroup.vn>.

6. Xác nhận tham dự họp và hướng dẫn đóng góp ý kiến:

- Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo mẫu Thư xác nhận tham dự (được công bố tại website: <https://pclgroup.vn>) và đóng góp ý kiến về các vấn đề thảo luận (nếu có) gửi về Công ty trước ngày 24/04/2024 thông qua một trong các hình thức gửi chuyển phát, gửi trực tiếp, gửi email hoặc fax tới địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI

MSDN: 0100100745

Địa chỉ: Tòa CT2 - 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội


Điện thoại: 024 3734 3060 (gặp Bà Ngô Thị Diệu Linh - Bộ phận Quan hệ cổ đông)

Fax: 024 3823 1997

Email: ir@pclgroup.vn

- Quý cổ đông/hoặc người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần xuất trình: (i) Thư xác nhận tham dự họp (nếu chưa gửi bản gốc về công ty); (ii) Chứng minh thư nhân dân/CCCD/Hộ chiếu; (iii) Bản gốc Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật dân sự và bản photocopy Chứng minh thư nhân dân/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN của người ủy quyền (trường hợp ủy quyền dự họp) để làm thủ tục kiểm tra tư cách cổ đông.

Thông báo này thay cho Giấy mời họp trong trường hợp quý cổ đông chưa nhận được Giấy mời họp.

Trân trọng thông báo và kính mời. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Tuấn

**PC1***Always Reliable***PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY**

A: CT2 Building, No.583 Nguyen Trai St., Thanh Xuan Dist, Ha Noi, Viet Nam

W: www.pc1group.vnE: info@pc1group.vn

T: +84 24 38456329

Hanoi, 04th April 2024.

NOTICE

ON INVITATION TO THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2023

The Board of Directors of PC1 Group Joint Stock Company respectfully invites Esteemed shareholders to attend the Annual General Meeting of Shareholders 2024 as follows:

- 1. Time:** From 8:00 AM to 11:40 AM, 26th April 2024
- 2. Location:** Hall on the 2nd floor - PC1 Group Joint Stock Company.

CT2 Building, Nang Huong Residential and Commercial Service Area, No. 583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi.

3. Criteria for attending the General Meeting:

- The shareholders, whose name appears in the list of shareholders at the record date of 20th March 2024, issued by the Vietnam Securities Depository, shall be entitled to attend the Annual General Meeting of Shareholders.
- Shareholders unable to attend the meeting may authorize another person to attend on their behalf. The authorization must be made in writing (using the authorization form attached by the company or complying with the provisions of civil law), the authorized person is not permitted to re-authorize to a third party.

4. Contents of the General Meeting:

- Approving the Report of the BOD on the Results of the implementation of the goals and tasks of 2023 and the Plan for 2024;
- Approving the Financial Statement for the year 2023 (audited);
- Approving the Appraisal report of the Supervisory Board to submit to the GMS 2023;
- Approving the Reports of the Company's BOD on the following contents:
 - ✓ Plan to pay dividends for 2023;
 - ✓ Profit and dividend plan for 2024;
 - ✓ Remuneration of the BOD, SB;
 - ✓ Allocation to the fund for awarding the Executive Board in 2024;
 - ✓ Plan to increase charter capital from the issuance of shares to pay dividends of 2023;
 - ✓ Dismissal of members of the BOD;



- ✓ Amendment of the Company's Charter, and Internal Regulations on Company Administration;
 - ✓ Other matters under the decision of the General Meeting of Shareholders.
- Approving the Report of the Supervisory Board on the selection of an auditor for the Company's 2024 financial statements.

5. Documents for the General Meeting:

- Esteemed Shareholders can access and download at the **Investor Relations** section of the Company's website: <https://pclgroup.vn>.

6. Confirmation of meeting attendance and instructions for comments

- In order for the organization of the General Meeting to be thoughtful, Esteemed shareholders, please confirm your attendance or authorize attendance according to the form of Confirmation of Attendance (published at website: <https://pclgroup.vn>) and contribute comments on discussed issues (if any) should be sent to the Company before 24th April 2024 via one of the forms of post, direct mail, email or fax to the below address:

PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY

Enterprise code: 0100100745

Address: CT2 Building - 583 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi

Tel: 024 3734 3060 (*Ms. Ngo Thi Dieu Linh – Investor Relations department*)

Fax: 024 3823 1997

Email: ir@pclgroup.vn

- Esteemed Shareholders/or authorized persons when attending the General Meeting need to present: (i) Confirmation of Attendance (if the original has not been sent to the company); (ii) Identity card/Citizen identification card/Passport; (iii) Original Authorization Letter according to the form of the Company or according to the provisions of civil law and a photocopy of the authorized person's ID card/ Citizen identification card /Passport/Enterprise Registration Certificate (in case of authorization to attend the meeting) for shareholder status verification.

This notice replaces the meeting invitation in case esteemed shareholders have not received the Meeting invitation.

Kind regards and welcome. 

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS



Trinh Van Tuan



THƯ XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI

Hà Nội, ngày tháng năm 2024



Kính gửi: Công ty cổ phần Tập đoàn PCI

1. Tên cổ đông:
2. Số CMND/CCCD/HC/GCNĐKKD:.....
Ngày cấp:.....nơi cấp:.....
3. Địa chỉ:
4. Tổng số cổ phần nắm giữ tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (20/03/2024) là:cổ phần.

Căn cứ vào giấy mời họp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn PCI được tổ chức vào ngày 26/04/2024, tôi/chúng tôi xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội như sau:

Trực tiếp tham dự

Ủy quyền cho người khác tham dự (Người được ủy quyền sẽ cầm theo giấy ủy quyền khi tham dự Đại hội)

CÓ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức pháp nhân)

**CONFIRMATION LETTER
ON ATTENDING THE ANNUAL GENERAL GENERAL OF SHAREHOLDERS 2024
PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY**

Hanoi, April 2024



Respectfully to: PC1 Group Joint Stock Company

1. Full name of shareholder:
2. ID card/ Citizen identification card /Passport/Enterprise Registration Certificate
No. :.....
Issuance date:.....Issuance place:.....
3. Address:
4. The total number of shares held at the record date of the list of shareholders attending the General Meeting (20th March 2024):shares.

Pursuant to the meeting invitation to attend the Annual General Meeting of Shareholders 2024 of PC1 Group Joint Stock Company held on 26th April 2024, I/we confirm to attend/authorize to attend the General Meeting as follows.

Directly attend

Authorization for others to attend (*Authorized person will carry an authorization letter when attending the General Meeting*)

SHAREHOLDER

(Full name, Signature and stamp in case of legal entity)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngàytháng 04 năm 2024



GIẤY ỦY QUYỀN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI

Họ tên cổ đông:.....(Bên ủy quyền).

Số CMND/CCCD/ĐKDN:..... cấp ngày..... tại

Người đại diện (tổ chức):..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....

Tổng số cổ phần nắm giữ tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội (20/03/2024) là:cổ phần.

(Bằng chữ:).

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

(Bằng chữ:.....).

Tôi/Chúng tôi làm giấy này để ủy quyền cho:

Ông Trịnh Văn Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Vũ Ánh Dương – Tổng Giám đốc.

Ông/Bà:..... (Bên nhận ủy quyền).

CMND/CCCD/HC số: ngày cấp

Nơi cấp:

Số cổ phần được ủy quyền:.....cổ phần.

Bên nhận ủy quyền được thay mặt tôi/chúng tôi đến tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI vào ngày 26/04/2024 để thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông với số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Hanoi, April 2024



AUTHORIZATION LETTER
ON ATTENDING THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2024

Respectfully to: PC1 GROUP JOINT STOCK COMPANY

Fullname of shareholder:.....(Authorizer).

ID card/ Citizen identification card / Enterprise Registration Certificate No.:.....

issued on.....at.....

Represented by (entity):.....Title:.....

Address:

Tel:Fax.....

The total number of shares held at the record date of the list of shareholders attending the General Meeting (20th March 2024):shares.

(In words:).

Equivalent to (Vietnamese dong):.....

(In words:).

I/We hereby to authorize:

- Mr. Trinh Van Tuan – The President of the BOD.**
- Mr. Vu Anh Duong – The General Director.**
- Authorize Mr./Ms:..... (Authorized person).**
ID card/ Citizen identification card /Passport No:
issued onat.....
The number of authorized shares:..... shares.

The authorized person is entitled to attend and vote on behalf of me/us at the Annual General Meeting of Shareholders of PC1 Group Joint Stock Company on 26th April 2024 to exercise the rights and obligations of shareholders for the authorized shares.

This Authorization Letter is only valid during the Annual General Meeting of Shareholders 2024 of PC1 Group Joint Stock Company.

AUTHORIZED PERSON
(Full name, signature)

AUTHORIZER
(Full name, signature, and stamp if applicable)

**PCI****CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI**

A: Toà CT2 - số 583 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội - Việt Nam

Liên luôn tin cậy

W: pci.group.vn

E: info@pci.group.vn

T: +84 24 38456329

**CHƯƠNG TRÌNH****Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024***Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024**Thời gian: Từ 8h00 đến 11h40*

TT	Nội dung công việc	Thời gian	Người chủ trì
1	Đón tiếp	8h00-8h30	Ban tổ chức
2	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	8h30-8h40	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
3	Khai mạc đại hội, giới thiệu chủ tọa Đại hội	8h40-8h50	Ban tổ chức
4	Thông qua chương trình Đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Quy chế tổ chức Đại hội.	8h50-9h10	Chủ tọa Đại hội
5	Trình bày các nội dung nghị sự tại đại hội: 1. Báo cáo của HĐQT về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024; 2. Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán); 3. Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024; 4. Các Tờ trình của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty thông qua tại Đại hội.	9h10-11h05	Chủ tọa Đại hội
6	Thảo luận và biểu quyết các báo cáo và nội dung trình ĐHCĐ.		
7	Giải lao	11h05-11h15	
8	Thông qua biên bản ĐHCĐ thường niên 2024	11h15-11h35	Ban Thư ký Đại hội
9	Bế mạc đại hội	11h40	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2024.

**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI.

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi và đối tượng áp dụng.

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (sau đây gọi chung là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (sau đây gọi chung là Công ty);
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.
- 1.3 Cổ đông, người được ủy quyền dự họp và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền.

- 2.1 Điều kiện tham dự Đại hội.
Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.
- 2.2 Quyền của cổ đông khi tham dự họp Đại hội.
 - a. Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự họp Đại hội;
 - b. Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản quy phạm khác có liên quan và Điều lệ Công ty;
 - c. Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội và các tài liệu kèm theo;
 - d. Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp khi tới tham dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
 - e. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến muộn khi Đại hội chưa kết thúc và có quyền đăng ký và tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề chưa

biểu quyết, khi đó chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

2.3 Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự họp Đại hội:

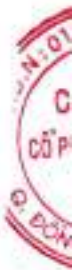
- a. Cổ đông hay người được ủy quyền dự họp khi tham gia Đại hội phải mang theo Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền hợp lệ (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông;
- b. Giữ gìn an ninh trật tự và không gây rối loạn hay lộn xộn trong cuộc họp ĐHĐCĐ;
- c. Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Đại hội;
- d. Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;
- e. Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội;
- f. Cung cấp thông tin về người có liên quan hay người có lợi ích liên quan đến cổ đông theo yêu cầu của Công ty.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- 3.1 Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) quyết định để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:
 - a. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp: yêu cầu cổ đông tham dự Đại hội và khách mời xuất trình Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân, Giấy mời họp, Giấy ủy quyền hợp lệ (đối với đại diện được ủy quyền);
 - b. Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu họp liên quan khác;
 - c. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội tại các thời điểm sau:
 - + Trước khi khai mạc Đại hội;
 - + Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội (cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).
- 3.2 Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- 4.1 Ban kiểm phiếu gồm 01 Trưởng ban và các thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
- 4.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết, thể thức biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu, tính toán và loại trừ các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (nếu có) cho từng vấn đề biểu quyết. Trong trường hợp Ban kiểm phiếu không thể xác định chính xác (các) cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết (do thiếu thông tin hay do quy định của pháp luật chưa đầy đủ hoặc không rõ ràng), thì phiếu của cổ đông đó vẫn được tính, nhưng Ban kiểm phiếu phải lập biên bản ghi nhận sự việc này. Việc (các) cổ đông sau khi bỏ phiếu



được xác định cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của nghị quyết mà cổ đông đó đã tham gia bỏ phiếu, nếu như nghị quyết đó vẫn có đủ số phiếu cần thiết sau khi loại bỏ số cổ phiếu của cổ đông liên quan đó.

- 4.3 Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm phiếu;
- 4.4 Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban;
- 4.5 Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch và Thư ký.

- 5.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số Thư ký lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ;
Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng điều khiển cuộc họp hoặc vì lý do bất khả kháng thì các thành viên HĐQT còn lại bầu ra một trong số họ làm Chủ tọa Đại hội. Trường hợp HĐQT không bầu được Chủ tọa thì thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất có mặt sẽ điều khiển Đại hội để bầu ra một trong số các thành viên HĐQT hoặc cổ đông khác tham dự Đại hội làm Chủ tọa Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố;
- 5.2 Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
- 5.3 Chủ tọa tiến hành các công việc cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
- 5.4 Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn họp Đại hội đến một địa điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp lý.
- 5.5 Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của các cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.
- 5.6 Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người có biểu hiện gây rối, không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch, ngăn cản diễn biến bình thường của Đại hội ra khỏi Đại hội.
- 5.7 Đoàn Chủ tịch bao gồm một số thành viên HĐQT và cán bộ quản lý của Công ty do Chủ tọa chỉ định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.
- 5.8 Thư ký cuộc họp có chức năng lập Biên bản Đại hội, thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa và Đoàn Chủ tịch. Thư ký cuộc họp có thể có một hoặc một số người giúp việc.

CHƯƠNG III THỂ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 6: Điều kiện tiến hành Đại hội

- 6.1 Đại hội được tiến hành khi có cổ đông tham dự đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội. Trường hợp quá 60 phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội được ghi trong nội dung chương trình cuộc họp đã gửi cho các cổ đông mà số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội chưa đại diện đủ cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thì cuộc họp coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành;
- 6.2 Trường hợp Đại hội không đủ điều kiện để tiến hành theo quy định trên đây thì việc triệu tập và tiến hành Đại hội các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 7: Tiến hành Đại hội

- 7.1 Đại hội sẽ diễn ra theo đúng trình tự nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- 7.2 Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung tại chương trình Đại hội theo hình thức biểu quyết quy định tại Điều 10 quy chế này;
- 7.3 Đại hội bế mạc sau khi Biên bản Đại hội được thông qua.

Điều 8: Thông qua Quyết định của Đại hội

- 8.1 Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành (ngoại trừ Điều 8.2 dưới đây);
- 8.2 Riêng đối với các vấn đề liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phần chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh của Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có sự chấp thuận của số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Điều 9: Thẻ biểu quyết

- 9.1 Thẻ biểu quyết phát cho các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp có ghi mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết. Thẻ biểu quyết phải được đóng dấu treo của Công ty;
- 9.2 Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự họp Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông có mặt tại Đại hội.

Điều 10: Thẻ thức biểu quyết

- 10.1 Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp công khai tại cuộc họp. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình

lên. Khi biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết có ghi “Số cổ phần” sở hữu và/hoặc đại diện phải được hướng về phía Chủ tọa.

- 10.2 Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu đồng ý, số phiếu không đồng ý, số phiếu không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

Điều 11: Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải đơ Thẻ biểu quyết hoặc đăng kí phát biểu. Chủ tọa căn cứ vào thời gian chương trình họp để bố trí sắp xếp việc phát biểu của các cổ đông. Chủ tọa có thể dành ưu tiên phát biểu cho cổ đông đăng ký phát biểu trước và có ý kiến liên quan đến chương trình họp. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào biên bản cuộc họp.

CHƯƠNG IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 12: Biên bản Đại hội

- 12.1 Nội dung của Đại hội được lập thành Biên bản. Chủ tọa và Thư ký chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.
- 12.2 Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- 12.3 Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 12.4 Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp kết thúc.
- 12.5 Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của Đại hội.

Điều 13: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 13.1 Căn cứ vào kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.
- 13.2 Cổ đông, nhóm cổ đông có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 14: Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này gồm 04 chương, 14 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua. *Uông*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Trịnh Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ KINH DOANH 2023 – KẾ HOẠCH 2024

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn PCI năm 2024

Phần 1: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2023;

Phần 2: Kế hoạch và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024;

Phần 3: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023;

Phần 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2023

I- Đánh giá chung và Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

1- Đánh giá chung:

Diễn biến kinh tế xã hội toàn cầu năm 2023 diễn biến phức tạp với nhiều phát sinh mới về xung đột chính trị, lạm phát, lãi suất tăng cao, tâm lý các nhà sản xuất và tiêu dùng không ổn định. Điều đó đã ảnh hưởng tiêu cực đến giảm tổng cầu và suy giảm đáng kể tăng trưởng kinh tế của hầu hết các nền kinh tế lớn. Việt Nam không nằm ngoài sự ảnh hưởng tiêu cực đó, các hoạt động của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn và thách thức lớn hơn là những cơ hội và thuận lợi. Những khó khăn đã làm giảm đáng kể đà tăng trưởng của kinh tế đất nước, một số chỉ tiêu kinh tế quan trọng quốc gia năm 2023 đã không đạt mục tiêu kế hoạch.

Đối với các lĩnh vực kinh tế trọng yếu trong nước như: ngành điện; lĩnh vực Bất động sản; sản xuất chế biến và xuất nhập khẩu ... gặp nhiều khó khăn, suy giảm, tăng trưởng thấp ảnh hưởng xấu đến việc làm, thu nhập người lao động và khó khăn tài chính trong cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó ngành Công nghiệp và xây dựng năm 2023 với mức tăng trưởng 3,02% là mức thấp nhất trong mười năm gần đây.

Tập đoàn PCI chúng ta triển khai kế hoạch năm 2023 với mong muốn kiến tạo những thành công mới, những dự án đầu tư mới nhằm hướng tới Kỷ niệm chào mừng 60 năm ngày thành lập Tập đoàn, ngày 2/3/1963 – 2/3/2023, một mốc thời gian quan trọng và ý nghĩa trong chặng đường dài xây dựng và phát triển của PCI. Song thực tế những khó khăn lớn, những thách thức phát sinh đã cản bước tiến đến mục tiêu kế hoạch này, kết quả kinh doanh năm 2023 đã không đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

2- Kết quả chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Kết quả % (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.450	7.775	82%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	511	303	59%
3	Cổ tức	%	15%	15%	100%

3- Nguyên nhân tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023:

3.1- Kinh tế thế giới suy giảm, kinh tế Việt Nam giảm tốc độ tăng trưởng, ảnh hưởng cụ thể đến PC1 như: i - Khoản vay ngoại tệ của PC1 trong năm bị ảnh hưởng bởi tỷ giá và lãi suất SOFR tăng làm phát sinh tăng chi phí tài chính trong năm 2023; ii- Các hợp đồng Tổng thầu EPC dự án điện quốc tế chậm tiến độ, lùi thời gian, thậm chí không ký được; iii- Các đơn hàng xuất khẩu cột thép 2023 không đạt được theo kế hoạch; iv- Giá kim loại màu thế giới giảm sâu làm giảm kết quả kinh doanh hợp nhất của PC1.

3.2- Những vướng mắc về các chính sách, quy định của các văn bản luật liên quan đến đầu tư Bất động sản, quá trình thanh kiểm tra, phòng chống tham nhũng quy mô lớn đã làm chậm việc thực hiện các thủ tục pháp lý đầu tư, PC1 đã không khởi công, bán hàng các dự án Bất động sản theo kế hoạch được, chi phí tài chính cho các dự án đầu tư trong năm tăng cao, đồng thời chưa đóng góp lợi nhuận trong năm.

3.3- Những khó khăn của ngành điện về triển khai Quy hoạch điện VIII, khó khăn về nguồn vốn chủ đầu tư; khó khăn về đơn giá định mức ngành bị lạc hậu, tất cả đã ảnh hưởng lớn đến kế hoạch đầu tư, xây lắp, sản xuất trong nước của PC1 trong lĩnh vực năng lượng.

3.4- Elmino năm 2023 dẫn tới sản lượng phát điện của các Nhà máy thủy điện của PC1 giảm khoảng 30% so với mức phát trung bình hàng năm làm giảm sâu lợi nhuận phát điện 2023.

3.5- Một số các Giám đốc các đơn vị thành viên thuộc PC1 còn hạn chế về năng lực lãnh đạo quản lý điều hành, chưa ứng phó kịp với những khó khăn, mức độ cạnh tranh phát sinh lớn trên thị trường, kết quả kinh doanh trong năm thấp.

II. Kết quả thực hiện trong công tác quản lý
1- Kết quả trong Lãnh đạo điều hành và quản lý chung:

HDQT, Ban Lãnh đạo Tập đoàn đã kịp thời đưa ra những quyết định, những giải pháp sáng tạo trong ngắn hạn, đồng thời hoạch định lại Kế hoạch phát triển dài hạn nhằm thích nghi với diễn biến trong tình hình mới, thiết kế nguồn lực mới sẵn sàng đón cơ hội mới, mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

Ban Tổng giám đốc đầy đủ năng lực, năng động, nhiệt huyết, tư duy đổi mới, sáng tạo, đoàn kết và tận tâm; Đội ngũ CBNV, các Khối, các Ban thuộc Tập đoàn, các Công ty thành viên đã nỗ lực trước những khó khăn, phát huy thế mạnh và năng lực vượt trội của mình, tiếp tục khẳng định uy tín và thương hiệu PCI, mang đến cho các đối tác, khách hàng, cộng đồng xã hội hơn cả lợi ích là sự tin cậy, uy tín và trách nhiệm đến cùng trong các hoạt động kinh doanh và sản phẩm của Tập đoàn trong bối cảnh khó khăn lớn của cộng đồng các doanh nghiệp năm qua.

Kết quả kinh doanh 2023 chúng ta đã không về đích được như mong muốn, song HĐQT và Ban Lãnh đạo tập đoàn đã khách quan đánh giá và ghi nhận những điểm mạnh và tích cực đó là:

Thứ nhất- Năng lực lãnh đạo và quản trị hệ thống, năng lực thích ứng và sáng tạo luôn đảm bảo dẫn dắt tin cậy và kiểm soát tất cả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trước những thách thức và khó khăn lớn;

Thứ hai- Phát triển các nguồn lực, sẵn sàng để nắm bắt được những cơ hội, vận hội mới trong năm 2024 và giai đoạn đến 2030;

Thứ ba- Các hoạt động Đào tạo, Đổi mới sáng tạo, công nghệ mới và chuyển đổi số, Nhận diện thương hiệu mới PCI, Quan hệ đối tác quốc tế và phát triển thị trường nước ngoài đã được quan tâm đầu tư sát thực tế và kết quả đang trên đà đóng góp tích cực, quan trọng trong dài hạn.

Thứ tư- Vị thế, Uy tín PCI tiếp tục được khẳng định, Thương hiệu PCI tiếp tục được phát triển.

Và thứ năm- Đã chuẩn bị tốt cho Kế hoạch đầu tư, kinh doanh năm 2024, các dự liệu cơ bản cho Chiến lược đến năm 2030 được bám sát các hoạch định kinh tế của Chính phủ và xu thế quốc tế.

Trong năm 2023 Tập đoàn đã nhận được các giải thưởng vinh danh ghi nhận trong hoạt động kinh doanh và hoạt động xã hội, trách nhiệm cộng đồng như:

- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất năm 2023; Lần thứ tư liên tiếp trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023 - Forbes;
- Top 100 thương hiệu mạnh và giá trị nhất Việt Nam do Brand Finance công bố;
- Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất - Nhóm ngành phi tài chính;
- Lần thứ hai liên tiếp nhận giải thưởng "Nơi làm việc tốt nhất Châu Á" do Tạp chí HR Asia Magazine bình chọn và công bố.

2- Công tác kiểm toán nội bộ (KTNB) - Pháp chế, quản trị rủi ro:

- Năm 2023 thực hiện công tác KTNB theo kế hoạch và chức năng kiểm soát viên tại các đơn vị thành viên, các công ty liên kết.
- Thực hiện kiểm toán, quyết toán vốn đầu tư các Dự án hoàn thành. Kiểm toán hoạt động, đánh giá tính kinh tế, hiệu quả trong quá trình đầu tư. Kiểm toán tuân thủ quy trình pháp luật về quản lý đầu tư, tuân thủ quy trình, quy

định của PCI. Báo cáo định lượng rủi ro các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế. Kiểm toán hoạt động tại các Công ty thành viên.

- Các hoạt động kiểm soát và kiểm toán nội bộ đã phát huy vai trò tích cực để kiểm soát hoạt động và hạn chế rủi ro của các Khối kinh doanh, các phòng ban và Công ty thành viên trong quá trình triển khai đầu tư, sản xuất và tổng thầu xây lắp.
- Tham mưu cho HĐQT, đổi mới các nội dung, phạm vi kiểm soát rủi ro đối với các dự án đầu tư, quản lý đầu tư vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

2. Công tác tổ chức và nguồn nhân lực:

- Xây dựng được Sơ đồ chiến lược chuyển đổi số nền tảng quản trị toàn Tập đoàn, để triển khai mục tiêu chuyển đổi số, ứng dụng các phần mềm và công nghệ mới giai đoạn 2023-2030.
- Điều chỉnh Sơ đồ tổ chức Tập đoàn, thực hiện tái cấu trúc đơn vị Xây lắp thành viên tinh gọn, hiệu quả và sắp xếp lại cán bộ chủ chốt tại một số công ty con, tăng cường công tác quản trị, kiểm toán nội bộ tại các đơn vị.
- Tiếp tục cải tiến các chính sách phúc lợi, chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc, sức khỏe và đời sống cho CBNV.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ mới và Đổi mới sáng tạo trong toàn Tập đoàn. Trong năm 2023 đã ghi nhận và vinh danh nhiều sáng kiến, cải tiến thúc đẩy đổi mới quản trị và kinh doanh tăng năng suất, tăng hiệu quả.
- Chú trọng công tác đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng cao, nhân sự kế cận để thích ứng với sự biến đổi và đáp ứng mục tiêu chiến lược kinh doanh dài hạn của Tập đoàn. Lớp học Mini MBA được tổ chức cho Cán bộ quản lý cấp trung được tổ chức liên tục tại Tập đoàn.
- Phát triển giá trị văn hóa công ty thông qua các chương trình giao lưu, gắn kết người lao động; các chính sách và phong trào thi đua khen thưởng nhằm tạo thêm động lực làm việc cho CBNV, gắn thu nhập với kết quả kinh doanh và năng suất lao động. Kịp thời khen thưởng, động viên khuyến khích CBNV nhiệt huyết sáng tạo vì các mục tiêu phát triển Tập đoàn.
- Nâng cao chất lượng truyền thông với các kênh truyền thông chuyên nghiệp, chính thống, truyền thông tin tích cực đến đối tác, khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Thực hiện tốt công tác quan hệ nhà đầu tư.
- Tham gia tích cực vào công tác an sinh xã hội, cộng đồng: ủng hộ công tác an sinh xã hội tại tỉnh Cao Bằng và một số địa phương. Chia sẻ khó khăn với đồng bào dân tộc vùng cao và những hoàn cảnh khó khăn, thông qua việc xây dựng trường, lớp học vùng cao và tặng quà cho gia đình và các cháu khó khăn.

4. Công tác tài chính kế toán:

- Công tác tài chính: Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, tỷ giá, lãi suất biến động, chính sách trái phiếu thắt chặt, tuy nhiên hoạt động tài chính của Tập đoàn luôn được kiểm soát một cách chủ động, kết nối đồng bộ với các hoạt động SXKD và đầu tư của Tập đoàn:
 - + Chủ động phân tích, đánh giá tình hình tài chính toàn hệ thống, qua đó đánh giá thực trạng đồng thời đề xuất tham mưu cho Ban lãnh đạo các giải pháp phù hợp kịp thời góp phần quản lý hiệu quả tài chính dòng tiền, luôn đáp ứng cho các nhu cầu vốn cho các hoạt động của Tập đoàn, đặc biệt là các hoạt động đầu tư.
 - + Lập kế hoạch tài chính ngắn, trung và dài hạn trên cơ sở nhu cầu vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Xây dựng và thực hiện các giải pháp, phương án tạo nguồn vốn hiệu quả.
 - + Mở rộng quan hệ trong thị trường tài chính: Tiếp tục duy trì và không ngừng mở rộng phát triển quan hệ với các đối tác Ngân hàng, tổ chức tài chính trong và ngoài nước phục vụ hiệu quả công tác huy động vốn và các dịch vụ tài chính khác; Nâng cao hình ảnh và uy tín của PCI trên thị trường tài chính.
 - + Tìm kiếm đàm phán, huy động các nguồn vốn, dịch vụ tài chính ngân hàng với chi phí tối ưu.
- Công tác kế toán:
 - + Kiểm soát chứng từ kế toán, tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chuẩn mực theo quy định của Pháp luật hiện hành và quy định Tập đoàn.
 - + Thực hiện công tác Báo cáo Tài chính định kỳ chính xác, kịp thời đồng thời phối hợp với đơn vị Kiểm toán để kiểm toán BCTC công ty.
 - + Triển khai các công việc cần thiết để sẵn sàng thực hiện lập BCTC theo chuẩn quốc tế trong vài năm tới.
 - + Thực hiện công tác kê khai và quyết toán thuế theo quy định; Hỗ trợ một số hoạt động, nhiệm vụ kế toán tại các đơn vị thành viên.

III- Kết quả trong hoạt động của các khối Đầu tư và Kinh doanh:

Năm 2023 các khối đầu tư và sản xuất kinh doanh đã bám sát các mục tiêu chiến lược 2021-2025, giải pháp ứng biến khắc phục các khó khăn phát sinh trong năm và triển khai kế hoạch 2023 với các nhiệm vụ chính sau đây:

1- Khối Năng lượng

- Vận hành các nhà máy thủy điện tin cậy, tối ưu năng lượng trước tình hình khó khăn lớn bởi El Nino 2023, sản lượng và doanh thu phát điện thấp hơn đáng kể so với mức trung bình hàng năm.
- Các nhà máy điện gió vận hành năm thứ hai: chất lượng thiết bị tốt, vận hành tin cậy, năng lượng gió trong năm đạt mức trung bình, kết quả sản

lượng phát điện và doanh thu đạt tốt, kinh doanh ảnh hưởng xấu do tỷ giá.

- Hoàn thành chuẩn bị đầu tư 02 dự án thủy điện Bảo Lạc A và thủy điện Thượng Hà, sẵn sàng để khởi công đầu tư Quý 3/2024. Tiếp tục nghiên cứu, lập kế hoạch đầu tư năng lượng sạch, năng lượng mới trong giai đoạn tiếp theo.

2- Khối Tổng thầu EPC:

- Khối đã và đang tiếp tục khẳng định năng lực điều hành tổng thầu Nhà máy điện năng lượng tái tạo chuyên nghiệp, hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế.
- Ứng dụng các quy trình QLDA chuẩn quốc tế, ứng dụng phần mềm quản lý dự án BIM 3D, 4D, Autodesk Build vào quản lý điều hành, đấu thầu. Thực hiện thành công một số gói thầu cung cấp thiết bị ngành điện.
- Ưu tiên phát triển thị trường Quốc tế; Đấu thầu thành công Hợp đồng đường dây truyền tải 500kV quốc tế đầu tiên tại Lào. Kết nối và bám sát tiến triển các gói EPC, các dự án điện gió tại Việt Nam, tại Asian.
- Tiếp tục phát triển hợp tác với Nhà cung cấp thiết bị, giải pháp công nghệ tiên tiến quốc tế, hợp tác với các tập đoàn uy tín có năng lực tổng thầu EPC các dự án điện gió off shore quốc tế.
- Hoàn thành thiết kế và lắp đặt trung tâm điều khiển thông minh IOC trong KCN tại NHIZ- Hải Phòng; Nâng cấp phần mềm và cập nhật giải pháp trung tâm OCC tại văn phòng PCI.

3- Khối Điện & Công nghiệp:

- Tiếp tục khẳng định vị thế nhà thầu số 1 Việt Nam thực hiện các dự án Truyền tải điện cao áp, siêu cao áp, uy tín và tin cậy; Trong tương lai gần trở thành nhà Tổng thầu hàng đầu Việt nam về thi công hạ tầng các Khu công nghiệp.
- Trong năm đã hoàn thành xuất sắc nhiều công trình trọng điểm trong và ngoài EVN cấp điện áp 500KV, các công trình cấp ngậm 110KV, 220KV, ứng dụng các công nghệ thi công tiên tiến.
- Khắc phục khó khăn, thực hiện uy tín trong thi công Dự án hạ tầng Khu công nghiệp với các giải pháp sáng tạo, ưu việt.
- Được các chủ đầu tư giao nhiều hợp đồng lớn, quan trọng cho năm 2024, hiện PCI đang là đơn vị uy tín, tiên phong, tin cậy số 1 thực hiện Dự án 500KV mạch 3 của EVN.

4. Khối Sản xuất công nghiệp

- Luôn khẳng định vị thế số 1 Việt Nam về thiết kế, sản xuất các sản phẩm cột điện bằng thép cho lưới điện truyền tải cao áp và siêu cao áp, không ngừng cải tiến, đổi mới quy trình sản xuất, đầu tư mới máy móc tiên tiến, sáng tạo và thiết kế nhiều máy móc thi công đặc thù có nhiều ưu việt.

- Thị trường trong nước: uy tín và ký nhiều hợp đồng lớn với các sản phẩm đặc thù có năng lực khác biệt các nhà sản xuất đối thủ.
- Thị trường nước ngoài: Kiên định thị trường xuất khẩu, 2023 tiếp tục xuất khẩu cột Viễn thông, cột điện lực dạng ống sang thị trường Australia.

5. Khối Bất động sản

5.1- Bất động sản dân dụng

- Do ảnh hưởng bởi những khó khăn lớn trong lĩnh vực BĐS, năm qua các dự án của PCI không khởi công xây dựng được, ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh, chi phí tài chính của khối, của Tập đoàn.
- Khối tiếp tục làm việc với các đơn vị tư vấn lớn để đánh giá thực trạng các dự án và triển vọng của thị trường. Chủ động cập nhật các chính sách hỗ trợ, Luật sửa đổi từ đó đưa ra giải pháp và kế hoạch phù hợp với mỗi dự án, tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý, thủ tục cấp phép xây dựng các dự án đang triển khai.
- Điều chỉnh chiến lược kinh doanh của khối BĐS giai đoạn 2021 -2025, dự thảo các tiêu chí chiến lược đầu tư giai đoạn 2026- 2030, quan tâm phát triển một số dự án BĐS mới.

5.2- Bất động sản Khu công nghiệp

- PCI đang hoàn thiện kế hoạch đầu tư dài hạn cho Chiến lược đầu tư lĩnh vực hạ tầng KCN giai đoạn 2024-2033 trên cơ sở tính toán phân bổ nguồn lực của PCI và Báo cáo tư vấn của KPMG về thị trường KCN Việt Nam;
- Đầu tư vốn tại Công ty cổ phần Western Pacific (WPG):
 - + Quan hệ hợp tác đầu tư giữa PCI và WPG luôn trách nhiệm và tin cậy;
 - + Năm 2023 các công ty con của WPG đang hoạt động ổn định và đạt kế hoạch;
 - + Kết quả triển khai cấp phép đầu tư và triển khai đầu tư các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tại các tỉnh đang cơ bản đáp ứng tiến độ.
- Công ty phát triển KCN Nhật Bản - Hải Phòng (Nomura -NHIZ): Sau khi PCI tiếp nhận vốn và quản lý từ Nomurra Holding tháng 11/2022, quản lý vận hành Khu công nghiệp đã đạt kết quả tốt: i- Đáp ứng cao hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ cho tất cả các Công ty Nhật Bản đang sản xuất trong NHIZ, được Thành phố Hải Phòng ghi nhận, ủng hộ và đánh giá tích cực; ii-Kết quả kinh doanh 2023 về doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với các năm trước; iii- PCI đã và đang chủ động cùng NHIZ đầu tư Pin mặt trời trong KCN, đầu tư Trung tâm vận hành thông minh IOC nâng cao chất lượng vận hành và hình ảnh, thương hiệu của NHIZ và của PCI.
- Dự án Nomura giai đoạn 2: Đã hoàn thành thiết kế và được phê duyệt quy hoạch 1/2000, Hồ sơ đề xuất nhà đầu tư ở cấp Thành phố Hải Phòng, trình Bộ ngành TW và Chính phủ trong tháng 4/2024.

- Ưu tiên phát triển các Dự án mới tại một số tỉnh thành có chọn lọc.

6. Khối Khoáng sản và vật liệu mới:

- Hoàn thành đầu tư giai đoạn 01 dự án khai thác và chế biến Nikel- Đồng tại Hòa An - Cao Bằng vào tháng 4/2023;
- Khai thác và Sản xuất sản phẩm đạt chất lượng cao, sản phẩm được bao tiêu bởi Tập đoàn lớn hàng đầu thế giới về lĩnh vực thương mại và chế biến kim loại màu;
- Đánh giá thiết bị, dây chuyền sản xuất đạt chất lượng tốt, vận hành tin cậy, mức độ tự động hóa cao;
- Giải pháp bảo vệ môi trường tiên tiến, mới có duy nhất ở Việt Nam, được nghiệm thu cấp Bộ đánh giá tích cực;
- Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư vận hành, khai thác có chuyên môn cao, kinh nghiệm và trách nhiệm, ý thức cải tiến sáng tạo trong sản xuất và kinh doanh;

7. Khối các Công ty về Giải pháp công nghệ; Tư vấn thiết kế; Kinh doanh thương mại và Dịch vụ:

- Thực hiện sứ mệnh đồng bộ với các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi trong hệ sinh thái PCI, nhằm đáp ứng cao các nhu cầu đồng bộ, hợp gói cho khách hàng, mục tiêu mang đến sự hài lòng, thỏa mãn cho khách hàng bằng các Giải pháp đồng bộ cung cấp ra các Sản phẩm, Dự án, Công trình có chất lượng cao, xanh và công nghệ.
- Các đơn vị đã cố gắng vượt lên khó khăn, đạt kết quả kinh doanh và bám sát mục tiêu phát triển dài hạn.

IV. Tăng vốn điều lệ

Trong năm đã hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ của PCI năm 2023 từ 2.704.330.020.000 đồng lên 3.109.955.580 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023.

Phần 2

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2024

I- Nhận định chung và Kế hoạch các chỉ tiêu chính:

1- Nhận định chung tình hình kinh tế năm 2024:

Năm 2024 bối cảnh kinh tế thế giới đã kiểm soát trở lại sau những biến cố lớn, tuy nhiên kinh tế toàn cầu vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, các diễn biến về địa chính trị, trật tự thế giới, chiến tranh vẫn đang bất ổn. Các châu lục, các nền kinh tế lớn dự báo: sự phục hồi của nền kinh tế diễn ra rất chậm, các điều kiện về nguồn lực xã hội, tài chính khó khăn, eo hẹp.

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2024 ở mức 6-6,5%, kỳ vọng vào những yếu tố thuận lợi quan trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2024 như là:

- Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định cơ bản, xây dựng và hoàn thiện thể chế đã và đang được thực hiện, bắt đầu có ảnh hưởng tích cực;
- Thành tựu lịch sử trên lĩnh vực Ngoại giao và hội nhập quốc tế năm 2023 đang tạo cơ hội rất lớn và quan trọng để ổn định và phát triển kinh tế từ 2024;
- Dòng vốn đầu tư FDI cuối 2023 sang 2024 đang tăng trưởng, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài;
- Kỳ vọng về sản xuất công nghiệp và xuất khẩu, lĩnh vực Bất động sản, đầu tư tư nhân và FDI đều tăng trưởng;
- Tổng sơ đồ điện VIII ban hành, năm 2024 EVN bắt buộc phải triển khai đầu tư một số công trình trọng điểm, dự án lớn và khả thi;
- Chính phủ tiếp tục các gói hỗ trợ về Tài chính, tài khóa và chính sách thuế, Luật đất đai và các luật khác được sửa đổi theo hướng tháo gỡ nhằm tác động kích thích nền kinh tế phát triển.

Khó khăn, do ảnh hưởng lớn từ suy giảm kinh tế thế giới, những hạn chế nội tại của Kinh tế Việt Nam chưa thể khắc phục sớm và nhanh trong thời gian ngắn được.

- Đầu tư xã hội chủ yếu vẫn dựa vào đầu tư công và FDI, đầu tư của Doanh nghiệp trong nước yếu, nhiều Tập đoàn kinh tế lớn của Việt Nam đang đối mặt với khó khăn thách thức rất lớn;
- Thị trường BĐS, thị trường vốn chứng khoán và trái phiếu vẫn còn nhiều hạn chế và lúng túng về chính sách, sự chông chéo các luật, cầu tiêu dùng vẫn thấp;
- Ngành điện đang đối mặt với thách thức về thiếu điện cục bộ và khó khăn về nguồn vốn chủ đầu tư; Dự báo Elnino vẫn kéo sang nửa đầu năm 2024;
- Công cuộc phòng chống tham nhũng, thanh tra kiểm tra quy mô lớn nhiều địa phương, nhiều Bộ ngành vẫn tiếp tục sẽ ảnh hưởng lớn, làm chậm quá trình phê duyệt và triển khai các dự án đầu tư công cũng như đầu tư ngoài nhà nước;

- Nhận định chung, năm 2024 nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam bên cạnh những cơ hội, thuận lợi thì vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn thách thức.

2- Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024:

Tiếp tục phát triển những thế mạnh về quản trị chuyên nghiệp; tiên phong về công nghệ tiên tiến; sản xuất và tiêu dùng xanh; lấy trách nhiệm xã hội, uy tín và sự tin cậy làm trọng. Mục tiêu khởi động lại đà tăng trưởng cao các chỉ tiêu kế hoạch trọng yếu, định vị kế hoạch giai đoạn 2030, tạo nguồn lực mới nhằm duy trì chiến lược phát triển với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững:

- Rà soát và hiệu chỉnh mục tiêu kế hoạch 2024- 2025 tập trung các mục tiêu kinh doanh trọng yếu có hiệu quả cao phù hợp xu thế thị trường và chính sách nhà nước, ngành đã thay đổi, chuẩn bị kịch bản chiến lược giai đoạn 2030;
- Tiếp tục Nâng cao năng lực quản trị trong hệ thống, thông qua: - Chất lượng nguồn Nhân lực; - Hoàn thiện và vận hành các Cơ chế, chính sách nội bộ tạo động lực và hiệu quả làm việc; - Ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- Mục tiêu PC1 sớm trở thành doanh nghiệp số với các dự án năng lượng, các Khu công nghiệp và các dự án BĐS nhà ở xanh và thông minh;
- Cụ thể hóa các chỉ tiêu hoạt động đầu tư, kinh doanh của các Khối, các đơn vị, Bám sát và nỗ lực để đạt được kết quả tốt về các chỉ tiêu kinh doanh 2024 đồng thời hướng tới những mục tiêu cao hơn trong các năm tiếp theo qua đó nâng cao thị giá cổ phiếu và giá trị Công ty;
- Phát triển quan hệ hợp tác đối tác và thị trường quốc tế có chọn lọc;
- Chú trọng, quan tâm xu thế hội nhập toàn cầu về sản xuất Xanh, Đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và ứng dụng công nghệ tiên tiến;
- Quản trị rủi ro, kiểm soát tính tuân thủ, trách nhiệm xã hội, đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động trong tình hình mới;
- Xuyên suốt phát triển PC1 Thương hiệu và Thịnh vượng, thương hiệu PC1 được cộng đồng yêu thích, lan tỏa quốc tế, cùng với quá trình phát triển Nhân cách và triết lý của con người PC1: Sáng tạo và Tốc độ; Chuyên nghiệp và Đúng hẹn; Luôn luôn tin cậy; Phần đầu Cán bộ nhân viên có cuộc sống khá giả và hạnh phúc.

3- Chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Tỷ lệ với TH 2023 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.822	139%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	525	173%
3	Cổ tức	%	15%	100%

II. Nhiệm vụ kế hoạch các Khối đầu tư và kinh doanh 2024

1- Khối Năng lượng

- Vận hành phát điện các nhà máy thủy điện, điện gió tin cậy, an toàn, tối ưu năng lượng. Chú ý giai đoạn El Niño với thủy điện; vận hành phần mềm dự báo công suất các Nhà máy điện gió; theo sát tình hình phụ tải hệ thống, giảm thiểu thời gian không huy động.
- Chuẩn bị tốt các nguồn lực, triển khai đầu tư 02 dự án thủy điện Bảo Lạc A và thủy điện Thượng Hà, kiểm soát tiến độ, chất lượng và chi phí đầu tư.
- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích cơ hội đầu tư năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong giai đoạn tiếp theo.

2- Khối Tổng thầu EPC:

- Phát huy thế mạnh và năng lực Tổng thầu EPC các dự án năng lượng tái tạo chuyên nghiệp làm tốt công tác thị trường, thực hiện thành công các hợp đồng EPC các nhà máy điện tại Việt Nam và quốc tế.
- Hợp tác với các tập đoàn uy tín trong nước và quốc tế mục tiêu thành công tổng thầu EPC các dự án điện gió off shore, các hợp đồng mới về cung cấp thiết bị và giải pháp đồng bộ cho các dự án điện.
- Tiếp tục thực hiện, phát triển giải pháp công nghệ thông minh, điều khiển xa các dự án điện và dự án công nghiệp; đồng bộ với các App thông minh về dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

3- Khối Điện & Công nghiệp:

- Phát triển uy tín và vị thế PCI trong các dự án Truyền tải điện cao áp, siêu cao áp trọng điểm, dự án đặc thù, kỹ thuật cao; Lộ trình trở thành nhà Tổng thầu hàng đầu Việt nam về thi công hạ tầng các Khu công nghiệp.
- Bám sát kế hoạch, hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh năm, tập trung cao và giải pháp ưu việt hoàn thành xuất sắc các hợp đồng của dự án trọng điểm.
- Nâng cao năng lực quản lý, các Công xây lắp thành viên vận hành hiệu quả theo mô hình chuyển đổi mới thành các công ty cổ phần.

4. Khối Sản xuất công nghiệp

- Tiếp tục phát triển uy tín và năng lực hàng đầu Việt Nam về thiết kế và chế tạo, phát huy lợi thế sản phẩm mới. Kiên định phát triển thị trường nước ngoài.
- Phát huy cơ hội sản xuất nguồn hàng lớn năm 2024 thành công, gia tăng nguồn lực cho Khối sản xuất công nghiệp, đồng bộ và hỗ trợ các khối, đơn vị xây lắp trong thi công lắp đặt các dự án, công trình trọng điểm quốc gia.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh về cải tiến, đổi mới quy trình sản xuất, vận hành hiệu quả các máy móc thiết bị đã đầu tư.

- Xây dựng chiến lược thị trường, sản phẩm và thế mạnh cạnh tranh cho giai đoạn tiếp theo.

5. Khối Bất động sản dân dụng

- Bám sát chính sách, Luật điều chỉnh, phân tích đánh giá thị trường để đưa ra giải pháp và kế hoạch thực hiện các thủ tục pháp lý, thủ tục cấp phép xây dựng với từng dự án, mục tiêu khởi công được 02 dự án trong năm 2024.
- Xây dựng kế hoạch đầu tư của khối giai đoạn 2024 -2030, lộ trình hoàn thành hồ sơ pháp lý các dự án dở dang, song song với xúc tiến phát triển một số dự án mới phù hợp với nguồn lực, với xu thế thị trường.
- Nghiên cứu các giải pháp mới về thiết kế, vật liệu mới, công nghệ thi công mới trong nước và quốc tế, ứng dụng quản BIM trong quản lý đầu tư và vận hành, nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và cung cấp ra thị trường các dự án xanh, hiện đại, chất lượng, thẩm mỹ hấp dẫn thị hiếu thị trường.

6. Khối Bất động sản Khu công nghiệp

- Xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn cho Chiến lược đầu tư hạ tầng KCN giai đoạn 2024-2033 làm cơ sở chuẩn bị nguồn lực để triển khai đầu tư và phát triển dự án mới.
- Dự án Nomura giai đoạn 2: Thúc đẩy hoàn thành các thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư trong quý 3/2024; Mô hình KCN sinh thái; Chuẩn bị nguồn lực để triển khai đầu tư dự án, khởi công vào cuối quý 3/2024; Kế hoạch sẽ hoàn thành xây dựng và bán hàng trong năm 2026.
- Tham gia quản lý và cùng thúc đẩy tiến độ, hiệu quả đầu tư các dự án tại Công ty cổ phần Western Pacific (WPG).
- Công ty phát triển KCN Nhật Bản - Hải Phòng - (Nomura -NHIZ): Tiếp tục đổi mới quản lý vận hành Khu công nghiệp chất lượng cao; vận hành hiệu quả trung tâm thông minh IOC; Lộ trình cung cấp năng lượng sạch cho khách hàng; Giải pháp dự phòng thiếu điện mùa cao điểm; Phối hợp chặt chẽ kết nối hạ tầng Nomura 2; Đảm bảo kết quả doanh thu, lợi nhuận kế hoạch; Đầu tư nâng cấp cảnh quan, hạ tầng thiết yếu, nâng cao hình ảnh và công năng trong nội khu của NHIZ.
- Ưu tiên phát triển các Dự án mới.

7. Khối Khoáng sản và vật liệu mới:

- Tập trung khai thác và Tuyển tinh quặng Niken theo giấy phép được cấp; xuất khẩu và thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ thuế nhà nước; đảm bảo kết quả kinh doanh;
- Vận hành, bảo dưỡng thiết bị nhà máy, duy trì sản xuất ổn định và tin cậy;
- Hoàn thiện các quy trình sản xuất, hồ sơ pháp lý đầu tư, quyết toán, kiểm toán chi phí đầu tư giai đoạn 1;
- Vận hành quy trình sản xuất bảo vệ môi trường đã được nghiệm thu, đánh

giá là công nghệ BVMT tiên phong cấp Bộ;

- Tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư vận hành, thí nghiệm có chuyên môn cao, kinh nghiệm, trách nhiệm và tâm huyết;
- Triển khai các đề tài sáng kiến cải tiến trong sản xuất và kinh doanh;
- Làm việc với Bộ ngành và Tỉnh để triển khai phát triển dự án.

8. *Khối các Công ty về Giải pháp công nghệ; Tư vấn thiết kế; Kinh doanh thương mại và Dịch vụ:*

- Các đơn vị khu vực này quy mô còn khiêm tốn, room tăng trưởng còn nhiều, cần hoạch định tầm nhìn lớn hơn, nâng cao năng lực quản trị và năng lực thị trường của bộ máy các công ty đơn vị thành viên khối này.
- Chủ động và sẵn sàng đáp ứng sứ mệnh “Đồng bộ với các hoạt động kinh doanh cốt lõi, mang đến cho khách hàng những giải pháp tin cậy và đồng bộ nhằm tháo gỡ nhu cầu và mong muốn của thị trường”.

Phần 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiêm túc các quyền và trách nhiệm trong hoạch định các mục tiêu, kế hoạch lớn, quyết định và phê duyệt các hoạt động lớn của theo quyền hạn, giám sát hoạt động Ban điều hành, cụ thể:

1-Tổ chức các phiên họp đầy đủ, chuyên nghiệp, hiệu quả và đúng quy định. Trong năm 2023 HĐQT đã tổ chức 05 phiên họp định kỳ và 13 lần lấy ý kiến bằng văn bản, đã ban hành 31 nghị quyết, quyết định đề thông qua nhiều nội dung quan trọng:

- Thông qua kết quả hoạt động năm 2022, kế hoạch SXKD năm 2023 toàn Tập đoàn, trình ĐHĐCĐ;
- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022;
- Điều chỉnh sơ đồ tổ chức của Công ty và bổ nhiệm nhân sự theo Sơ đồ tổ chức;
- Thành lập công ty ở Australia, Công ty đầu tư khu công nghiệp ở Hải Phòng; góp vốn đầu tư vào các công ty theo định hướng chiến lược của Tập đoàn;
- Tái cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động của các đơn vị thành viên trong lĩnh vực xây lắp, công ty ở Singapore.

2-Phối hợp với Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập hoạt động, trách nhiệm và tuân thủ. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, hội nghị triển khai kế hoạch hàng kỳ của Ban TGD nhằm cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.

3-HĐQT giao nhiệm vụ và hỗ trợ để Ban kiểm toán nội bộ hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ và tham mưu quản trị để HĐQT tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động; tăng cường quản trị rủi ro.

4-Đứng trước những khó khăn, biến động của kinh tế vĩ mô, những điều chỉnh về luật định và chính sách, HĐQT luôn sáng tạo và kịp thời định hướng, điều chỉnh chiến lược và hoạch định, đổi mới sơ đồ tổ chức, tái cấu trúc các Công ty con, đánh giá và phân bổ nguồn lực hiệu quả.

5-HĐQT thường xuyên sát sao đồng hành, chia sẻ với các hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, tuân thủ trong các vấn đề triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6- Ban Tổng giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. HĐQT đã cùng với Ban Tổng giám đốc, tốc độ, nhạy bén, sáng tạo và kịp thời đưa ra các giải pháp sát thực, tuân thủ và hiệu quả. Đội ngũ CBNV đều đồng lòng, tin tưởng, động lực, trách nhiệm thực hiện các kế hoạch và hoàn thành các mục tiêu quan trọng.

Đầu năm 2024 có sự thay đổi về thành viên HĐQT: Ông Mai Lương Việt có Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT kể từ ngày 01/02/2024. Ngày 31/01/2024, HĐQT đã họp thông qua Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT và trình ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Mai Lương Việt theo Đơn từ nhiệm. Để đảm bảo tuân thủ quy định về cơ cấu thành viên HĐQT (tối thiểu 01 thành viên HĐQT độc lập), HĐQT đã và đang tích cực tìm kiếm ứng viên HĐQT độc lập để bầu bổ sung vào HĐQT và sẽ trình ĐHCĐ khi tìm được ứng viên thích hợp.

II. Thù lao của HĐQT trong năm 2023:

Hội đồng quản trị báo cáo về thù lao của HĐQT trong năm 2023 như sau:

Ngày 26/04/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 đã thảo luận và nghị quyết về Thù lao của Hội đồng quản trị: Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định.


Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2023, Tổng thù lao của Hội đồng quản trị năm 2023 là 2.890.000.000 đồng. Trong đó:

STT	Chức danh	Thù lao 12 tháng (đồng)
1	Ông Trịnh Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT	1.810.000.000
2	Ông Nguyễn Minh Đệ - Ủy viên HĐQT	270.000.000
3	Ông Võ Hồng Quang - Ủy viên HĐQT	270.000.000
4	Ông Vũ Ánh Dương - Ủy viên HĐQT	270.000.000
5	Ông Mai Lương Việt - Ủy viên HĐQT	270.000.000
	Tổng cộng	2.890.000.000

Trên đây là toàn bộ báo cáo đánh giá thực hiện kế hoạch 2023 và các chỉ tiêu, mục tiêu kế hoạch 2024 Hội đồng quản trị kính trình Đại hội.

Kính mong nhận được các ý kiến đóng góp tích cực và trách nhiệm của Đại hội, của Quý cổ đông nhằm giúp HĐQT, Ban lãnh đạo Tập đoàn tiếp tục phát huy trách nhiệm và năng lực để triển khai thành công các mục tiêu kế hoạch 2024,

lộ trình chiến lược giai đoạn tiếp theo PCI sẽ thành công, phát triển nhanh và bền vững.

Trân trọng cảm ơn. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PCI
Đ. ĐỒNG ĐÀ - TP. HÀ NỘI

Trịnh Văn Tuấn





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ
Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 năm 2024

Kính thưa : - Đoàn Chủ tịch ĐHĐCĐ
- Các Quý vị cổ đông

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 do PC1 lập đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam ngày 29/03/2024;
- Căn cứ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của PC1.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát, đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD, tuân thủ các quy định của Nhà nước, thẩm định Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính và đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, BGĐ như sau :

I.Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 :

Trong năm 2023, Ban kiểm soát duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc họp hàng quý để nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các phòng, ban chức năng của Tập đoàn góp phần quản lý hoạt động rủi ro và nâng cao chất lượng quản trị của Tập đoàn, hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là :

- Giám sát việc thực hiện hoạch định và triển khai chiến lược của PC1;
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2023; Giám sát việc chấp hành Pháp luật nhà nước, điều lệ Tập đoàn, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc tuân thủ Quy chế, quy định nội bộ Tập đoàn.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

- Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro của Tập đoàn.

II. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tập đoàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh :

1. Thực hiện mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2023 :

Năm 2023 là năm có nhiều thử thách và khó khăn trên toàn cầu, kinh tế thế giới tiếp tục giảm đà tăng trưởng, xung đột chính trị phức tạp và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Giá cả, lạm phát, lãi suất toàn cầu giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, rủi ro tài chính, tiền tệ tăng khiến tiến độ phục hồi kinh tế toàn cầu còn chậm ảnh hưởng đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính Việt Nam. Do ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2022-2023, đẩy mạnh đầu tư công, điều chỉnh giảm lạm phát và lãi suất, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, cơ cấu lại nền kinh tế, hoàn thiện các chính sách pháp luật để đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô.

Với những kết quả đã đạt được từ những năm về trước, uy tín và thương hiệu đã được khẳng định, sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban điều hành và sự cố gắng của CBCNV Tập đoàn đứng trước những khó khăn của năm 2023, PC1 đã có được những kết quả như sau :

+ Kết quả HĐSX kinh doanh năm 2023:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tỷ lệ thực hiện so với NQ 01/ĐHBCĐ			Tỷ lệ thực hiện so với năm trước		
			Thực hiện	Theo NQ 01/ĐHBCĐ	Tỷ lệ (%)	Năm 2023	Năm 2022	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6=4/5	7	8	9=7/8
1	Doanh thu	tỷ đồng	7.775	9.450	82%	7.775	8.358	93%
2	LN sau thuế	tỷ đồng	303	511	59%	303	537	56%

+ Hoàn thành việc điều chỉnh sơ đồ tổ chức theo mô hình Tập đoàn, tái cấu trúc các Công ty thành viên.

+ Tập trung đầu tư triển khai chuyển đổi số, quản trị rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD...

2. Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023:

Trên cơ sở nghị quyết số 01/NQ-PCC1-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 đã được Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tập đoàn triển khai đạt được kết quả như sau :

a. **Kế hoạch tăng vốn điều lệ :** Hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 2.704,33 tỷ đồng lên đến 3.109,96 tỷ đồng bằng hình thức trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu : 405,63 tỷ đồng.

b. **Trích lập các quỹ từ LNST năm 2023 :**

Nội dung	Số tiền đã trích (tỷ đồng)
Quỹ đầu tư phát triển	34,533
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	71,396
Cộng	105,929

c. **Sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động Tập đoàn :**

Đã hoàn thiện sửa đổi một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn theo Nghị quyết của Đại hội đồng thường niên thông qua.

3. **Kết quả kiểm tra, giám sát HĐSXKD, tuân thủ các quy định của Nhà nước :**

a. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 :**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số tiền
A	B	C	1
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.110
2	Doanh thu HĐSXKD	Tỷ đồng	7.775
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	303

b. **Tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước :**

b.1. **Kiểm soát tính tuân thủ thực hiện theo quy định của Nhà nước :**

- Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động SXKD của PC1 phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100745;

- Chấp hành luật quản lý thuế :

Năm 2023, Công ty đã thực hiện quyết định số 930/QĐ-TCT ngày 30/06/2023 của Tổng cục trưởng Tổng Cục thuế về việc thanh tra thuế tại Công ty cổ phần Tập đoàn PC1 thời kỳ năm 2022. Về cơ bản Công ty đã thực hiện chế độ kế toán, ghi chép, hạch toán kế toán trên ứng dụng phần mềm kế toán đáp ứng được yêu cầu quản lý, tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành và quy

định của Bộ tài chính. Chấp hành nghiêm túc việc thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và các thông tư hướng dẫn về thuế.

b.2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước :

Chỉ tiêu	Số thuế phải nộp (tỷ đồng)
I/ Thuế GTGT	146,588
II/ Thuế xuất,nhập khẩu	169,092
III/ Thuế TNDN	89,086
IV/ Thuế TN cá nhân	14,27
V/ Thuế nhà đất và tiền thuê đất	5,858
VI/ Thuế tài nguyên	98,364
VII/ Các loại thuế khác	96,69
Tổng cộng	619,948

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban lãnh đạo Tập đoàn.

4.1 Đối với các thành viên Hội đồng quản trị :

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên

Hội đồng quản trị của Tập đoàn với tinh thần trách nhiệm cao đã nghiêm túc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023, đồng thời đảm bảo kịp thời đưa ra chủ trương chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty để ứng phó với những diễn biến thay đổi của thị trường.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, ban hành 31 Nghị quyết/Quyết định theo thẩm quyền phục vụ các hoạt động của Công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị nghiêm túc thực hiện phân công nhiệm vụ theo các lĩnh vực cá nhân thành viên được phụ trách.

- Thực hiện các nội dung theo nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022

- Phê duyệt các nội dung thuộc quyền của HĐQT, giám sát hoạt động của Ban điều hành Tập đoàn.

4.2 Đối với Ban điều hành Tập đoàn :

Tổng giám đốc cùng với các thành viên Ban điều hành đã chủ động triển khai thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông thông qua, tuân thủ các quy định của pháp luật, phân quyền trong Điều lệ và các quy định nội bộ của Tập

đoàn. Để đạt được kết quả SXKD như trên Ban điều hành Tập đoàn luôn chủ động, cố gắng nỗ lực, sáng tạo, thực hiện các giải pháp ứng phó với các diễn biến của thị trường trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát chi phí, phát huy các nguồn lực của Tập đoàn, bám sát và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh và đầu tư. Cụ thể :

- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp triển khai kế hoạch kinh doanh tuần, tháng, quý để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, đầu tư các dự án để xem xét các mặt tồn tại và hạn chế nhằm đưa ra các giải pháp kịp thời nhằm tháo gỡ và khắc phục khó khăn.

- Bám sát và thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển kinh doanh Tập đoàn.

- Lãnh đạo các Trường khối luôn sát sao trong điều hành lĩnh vực phụ trách để thực hiện vượt mốc các mục tiêu kinh doanh đề ra.

III. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 :

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : (Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán).

STT	Các chỉ tiêu cơ bản	Số tiền (tỷ đồng)
1	Doanh thu	7.775
2	Lợi nhuận sau thuế	303
3	Đã nộp (bù trừ) ngân sách NN	608

2. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính :

Ban kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Tập đoàn trong năm tài chính 2023, kết thúc 31/12/2023 và thống nhất xác nhận nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tập đoàn, được trình bày theo các mẫu báo cáo được quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2023.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ của các Tổ chức niêm yết trên Sở GDCK Hồ Chí Minh theo qui định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 :

<u>Chi tiêu đánh giá doanh nghiệp.</u>	<u>$\frac{ĐV}{T}$</u>	<u>Năm 2023</u>
1. Khả năng thanh toán.		
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn(TSNH/NNH)	<i>lần</i>	1,46
- Khả năng thanh toán nhanh(TTS- hàng tồn kho/NNH)	<i>lần</i>	4,09
2. Tỷ suất sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	1,50
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	3,90
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn góp của chủ sở hữu(ROE)	%	9,74
3. Mức độ bảo toàn vốn.(TTS-NPT)/Vốn góp chủ sở hữu	<i>lần</i>	2,34
4. Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu		1,78

Trên cơ sở các Bảng chỉ tiêu tài chính, Ban kiểm soát nhận thấy rằng :

Khả năng thanh toán >1, Tập đoàn luôn có đủ khả năng chi trả các khoản nợ phải trả, hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn hợp lý.

Tỷ suất sinh lời của Tập đoàn đạt hiệu quả thể hiện 01 đồng tài sản bỏ ra, tạo ra hơn 0,015 đồng lợi nhuận, 01 đồng doanh thu tạo ra khoảng 0,039 đồng lợi nhuận hoặc 01 đồng vốn bỏ ra kinh doanh tạo ra 0,0974 đồng lợi nhuận.

IV. Tiền lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn :

Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TBKS và phụ cấp của các thành viên đã thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

V. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Ban kiểm soát thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 do PC1 lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam . Xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính, Báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của PC1.

2. Kiến nghị:

Để tiếp tục phát triển thương hiệu PC1, sự tin tưởng của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư, tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, tăng lợi ích cho cổ đông, BKS có một số kiến nghị với Tập đoàn các nội dung sau:

- Bám sát mục tiêu chiến lược năm 2021-2025 tầm nhìn năm 2030, tích lũy cơ hội đầu tư, cấu trúc lại các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh, tiết giảm chi phí, gia tăng hiệu quả SXKD.

- Xây dựng đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các mục tiêu chiến lược tầm nhìn đến 2030, điều chỉnh cơ cấu tổ chức đồng bộ với xu thế phát triển của Tập đoàn, cải tiến các quy trình nội bộ phù hợp và linh hoạt, xây dựng môi trường làm việc năng động, cởi mở và thân thiện.

- Kiểm soát dòng tiền theo tiến độ, xây dựng kế hoạch và phương án tài chính hiệu quả, phân tích và dự báo tài chính để đưa các giải pháp hạn chế rủi ro, huy động vốn từ các nguồn khác nhau để đảm bảo vốn đáp ứng kịp thời cho các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng vốn hiệu quả trong lĩnh vực đầu tư.

- Thực hiện các ứng dụng phần mềm quản lý quan hệ khách hàng, quản lý tài chính nhằm hệ thống hóa khai thác các dữ liệu về các chuỗi cung ứng, khách hàng, tối ưu hóa chi phí đầu tư để phục vụ cho công tác quản trị thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Trên đây là toàn bộ nội dung BKS báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Kính mong Quý vị đóng góp ý kiến để BKS làm tốt chức năng, nhiệm vụ cổ đông giao phó.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Hải Hà



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 19 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 19 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 23-02-00132-24-1



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.189.024.415.102	4.751.057.995.296
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899
Tiền	111		63.214.838.590	16.934.406.899
Các khoản tương đương tiền	112		965.500.000.000	1.665.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		103.601.176.833	172.848.897.548
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	103.601.176.833	172.848.897.548
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.699.908.243.725	2.569.352.921.562
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.173.050.006.858	1.884.327.840.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	186.723.471.407	189.688.812.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	106.051.103.451	307.154.252.902
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	239.267.535.790	193.715.889.515
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.183.873.781)	(5.533.873.781)
Hàng tồn kho	140	11	311.768.058.448	278.591.915.964
Hàng tồn kho	141		311.768.058.448	278.591.915.964
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.032.097.506	48.329.853.323
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.226.020.397	1.216.590.029
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.806.077.109	47.113.263.294
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.562.961.437.568	7.713.453.245.889
Tài sản cố định	220		2.030.219.276.770	2.154.173.907.592
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.028.766.131.425	2.152.329.841.848
Nguyên giá	222		2.754.805.467.253	2.743.969.150.568
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(726.039.335.828)	(591.639.308.720)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.453.145.345	1.844.065.744
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.778.134.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.253.324.655)	(934.068.256)
Bất động sản đầu tư	230	14	71.353.081.680	164.564.664.335
Nguyên giá	231		122.374.213.687	211.710.738.395
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(51.021.132.007)	(47.146.074.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.236.636.566	7.859.555.020
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	11.236.636.566	7.859.555.020

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	5.394.292.289.878	5.316.208.640.939
Đầu tư vào công ty con	251		3.789.927.776.619	3.780.023.737.061
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.603.148.756.168	1.534.748.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.606.012.909)	(3.385.622.290)
Tài sản dài hạn khác	260		55.860.152.674	70.646.478.003
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	55.860.152.674	70.646.478.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.751.985.852.670	12.464.511.241.185
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.816.145.114.858	7.571.689.071.746
Nợ ngắn hạn	310		2.796.978.332.971	4.572.245.665.637
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	806.198.113.402	1.027.783.835.592
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	101.802.829.495	296.844.924.883
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	5.968.392.864	66.601.153.610
Phải trả người lao động	314		6.624.695.061	7.457.277.117
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	48.628.917.361	187.195.114.723
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		853.018.181	500.728.365
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	20.020.281.837	14.892.412.156
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.661.054.422.237	2.862.060.337.867
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	145.827.662.533	108.909.881.324
Nợ dài hạn	330		3.019.166.781.887	2.999.443.406.109
Phải trả dài hạn khác	337		1.521.414.720	2.302.745.180
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	3.017.645.367.167	2.992.770.508.866
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	4.370.152.063

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
VÓN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.935.840.737.812	4.892.822.169.439
Vốn chủ sở hữu	410	24	4.935.840.737.812	4.892.822.169.439
Vốn cổ phần	411	25	3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Quỹ đầu tư phát triển	418		246.973.837.431	213.577.792.672
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		803.142.319.053	1.199.145.355.439
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		693.331.661.162	534.909.460.264
- LNST năm nay	421b		109.810.657.891	664.235.895.175
TỔNG CỘNG NGUỒN VÓN (440 = 300 + 400)	440		10.751.985.852.670	12.464.511.241.185

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	3.790.979.619.231	6.447.679.569.839
Giá vốn hàng bán	11	29	3.460.991.018.935	5.428.387.294.571
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		329.988.600.296	1.019.292.275.268
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	323.834.150.750	187.683.514.396
Chi phí tài chính	22	31	405.693.467.939	320.857.828.375
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		398.692.084.043	307.826.610.177
Chi phí bán hàng	25	32	11.814.435.240	9.066.412.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	111.524.903.120	109.448.112.782
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		124.789.944.747	767.603.435.676
Thu nhập khác	31	34	6.876.836.031	14.144.111.080
Chi phí khác	32	35	5.134.936.255	8.431.981.474
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.741.899.776	5.712.129.606
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		126.531.844.523	773.315.565.282
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	13.831.186.632	105.394.670.107
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		112.700.657.891	667.920.895.175

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Người duyệt:

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	126.531.844.523	773.315.565.282
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	145.652.200.321	136.409.422.776
Các khoản dự phòng	03	(4.499.761.444)	(503.450.903)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục cố gốc ngoại tệ	04	(720.218.410)	316.790.666
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(331.990.579.492)	(181.798.025.163)
Chi phí lãi vay	06	403.426.097.784	310.937.814.499
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	338.399.583.282	1.038.678.117.157
Biến động các khoản phải thu	09	757.277.635.862	76.101.870.476
Biến động hàng tồn kho	10	(33.176.142.484)	(45.207.943.077)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(506.117.344.370)	(447.110.619.834)
Biến động chi phí trả trước	12	12.776.894.961	(21.149.285.522)
		569.160.627.251	601.312.139.200
Tiền lãi vay đã trả	14	(405.663.106.136)	(301.926.832.608)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.914.836.273)	(51.352.345.098)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.238.308.309)	(37.125.567.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.344.376.533	210.907.394.146
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(42.570.543.550)	(199.099.993.171)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	94.415.954.168	1.768.527.274
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(274.431.176.833)	(467.263.490.736)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	510.485.029.848	351.609.718.257
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(83.318.723.000)	(1.874.636.864.391)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.472.376.468	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	229.271.672.625	139.508.216.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	462.324.589.726	(2.048.113.886.215)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	3.575.161.737.136	6.676.759.562.957
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.756.026.808.206)	(4.516.506.024.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.180.865.071.070)	2.160.253.538.056
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(653.196.104.811)	323.047.045.987
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.681.934.406.899	1.358.886.612.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.463.498)	748.831
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:




Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



WVu Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con và 4 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2023: 23 công ty con và 3 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 252 nhân viên (1/1/2023: 270 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

PC1
HÀ H
C

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng đã hoàn thành. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	376.221.504	987.855.716
Tiền gửi ngân hàng	62.838.617.086	15.946.551.183
Các khoản tương đương tiền (*)	965.500.000.000	1.665.000.000.000
	1.028.714.838.590	1.681.934.406.899

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,3% – 4,2%/năm (1/1/2023: 4,6% – 6,0%/năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
• Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	103.601.176.833	172.848.897.548

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,4% – 3,0%/năm (1/1/2023: từ 1,0% – 5,0%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			31/12/2023		
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty con					
• Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỹ")	Hà Nội	66,00%	3.519.064.933	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
• Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
• Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	Hà Nội	66,00%	3.566.251.625	-	(*)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	60,00%	27.600.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
• Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là "PCI Global Trading Pte. Ltd.")	Singapore	100,00%	140.950.895.451	-	(*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			31/12/2023		
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (**)	Hải Phòng	99,00%	9.800.000.000	-	(*)
• Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (***)	Hải Phòng	70,00%	703.098.368.940	-	(*)
• PCI Australia Pty Ltd (****)	Australia	100,00%	5.118.723.000	-	(*)
			3.789.927.776.619	-	
• Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Western Pacific	TP Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình (*****)	Bà Rịa-Vũng Tàu	36,00%	68.400.000.000	-	(*)
			1.603.148.756.168	-	
• Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaicon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(*)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
			4.821.770.000	(3.606.012.909)	
			5.397.898.302.787	(3.606.012.909)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			1/1/2023		
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty con					
• Công ty Cổ phần PC1 Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")	Hà Nội	100,00%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100,00%	25.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Hà Nội	100,00%	10.236.009.597	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Hà Nội	100,00%	30.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Hà Nội	100,00%	5.942.874.315	-	(*)
• Công ty TNHH MTV PC1 Năng Hương	Hà Nội	100,00%	725.509.851	-	(*)
• Công ty Cổ phần PC1 Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	Hà Nội	100,00%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	Hà Nội	90,00%	28.832.168.426	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60,00%	151.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Báo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Cao Bằng	57,27%	477.590.600.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
• Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là "PCI Global Trading Pte. Ltd.")	Singapore	100,00%	844.049.264.391	-	(*)
			3.780.023.737.061	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

				1/1/2023	
	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Western Pacific	TP Hồ Chí Minh	30,08%	1.110.000.000.000	-	(*)
			1.534.748.756.168	-	
• Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10,00%	4.000.000.000	(3.385.622.290)	(*)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.254.085.600
			4.821.770.000	(3.385.622.290)	
			5.319.594.263.229	(3.385.622.290)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn 9.800.000.000 VND vào công ty con, Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 99%.
- (***) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ 70% vốn góp của Asia Dragon Trading Pte. Ltd. tại Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng.
- (****) Ngày 23 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 211.500 Đô la Mỹ (tương đương 5.118.723.000 VND) vốn vào công ty con, PC1 Australia Pty Ltd với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 100%.
- (*****) Ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu để có tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 36%.

Tại ngày cuối năm, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc được thế chấp để bảo đảm cho khoản trái phiếu của Công ty (Thuyết minh 22(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	152.899.801.367	19.215.144.250
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	87.194.855.067	181.157.744.624
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	79.296.269.106	67.422.966.473
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	76.016.197.514	82.986.303.726
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	50.000.000.000	758.952.550.730
Tổng Công ty Khoáng sản TKV – CTCP	-	58.770.070.370
Các khách hàng khác	727.642.883.804	715.823.060.713
	1.173.050.006.858	1.884.327.840.886

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	39.158.249.697	3.839.201.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	13.370.427.122	-
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng	9.333.451.788	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	6.760.812.315	7.721.940.599
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	5.484.987.785	-
Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	4.072.935.897	466.283.010
Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")	1.288.102.959	2.143.980.924
Các công ty con cấp 1 khác	1.128.959.654	385.239.654
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	42.514.545.634	54.229.220.042
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	2.823.371.338	72.653.933
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	866.995.535	866.995.535
	126.802.839.724	69.725.514.697

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	18.460.974.653	5.102.136.673
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	1.450.662.595	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	7.463.270.654	7.448.266.854
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	4.736.092.878	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	3.291.288.384	6.655.451.501
Bên khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	17.877.622.227	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng	-	21.216.637.391
Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ	2.310.575.267	10.113.842.440
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Đông Nam	306.466.024	9.576.910.449
Các nhà cung cấp khác	34.837.678.243	33.586.726.250
	186.723.471.407	189.688.812.040

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	50.000.000.000	78.246.218.878
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Báo Lâm	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	5.160.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	25.800.065.445
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	70.959.512.949
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	-	70.959.512.950
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên - công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	16.302.693.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	-	5.000.000.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn Cầu (trước đây là "Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1")	2.588.410.051	2.886.249.280
	106.051.103.451	307.154.252.902

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 9,0%/năm (1/1/2023: từ 4,0% đến 6,5%/năm).

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	94.595.296.236	138.153.857.564
Tạm ứng cho nhân viên	23.681.808.392	10.060.161.689
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	102.912.151.561	32.479.615.863
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	9.168.117.522	9.354.208.120
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Ký cược, ký quỹ	5.570.850.000	268.380.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	240.552.334	259.555.654
Phải thu khác	528.571.855	569.922.735
	239.267.535.790	193.715.889.515

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(**) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	23.567.885.989	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	17.819.655.000	3.563.931.000
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	17.326.005.843	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Miền Bắc	14.702.758.871	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	14.626.338.660	9.226.338.660
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	5.094.900.000	5.094.900.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Bắc	1.660.708.651	1.673.415.782
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	1.377.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	918.000.000	306.000.000
Các công ty con cấp 1 khác	-	6.796.131.874
Công ty con cấp 2		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	4.763.941.605	4.763.941.605
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	1.054.956.942	1.054.956.942
	102.912.151.561	32.479.615.863
Phải thu lãi cho vay		
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm	1.050.345.205	304.109.589
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	151.232.877	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	272.516.395
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	983.171.263
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	-	983.171.263
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	-	61.890.411
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	6.451.778.458	2.563.512.033
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Ninh Bình	89.424.658	113.424.658
	7.742.781.198	5.281.795.612
	110.654.932.759	37.761.411.475

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo thỏa thuận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2023			Thời gian quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Kết cấu thép Sóc Sơn	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-	Trên 3 năm	2.049.842.044	(2.049.842.044)	-
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng		-	-	-	Từ 2 đến dưới 3 năm	500.000.000	(350.000.000)	150.000.000
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-	Trên 3 năm	563.843.847	(563.843.847)	-
		<u>5.183.873.781</u>	<u>(5.183.873.781)</u>	-		<u>5.683.873.781</u>	<u>(5.533.873.781)</u>	<u>150.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>								
			<u>(5.183.873.781)</u>				<u>(5.533.873.781)</u>	
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(5.183.873.781)</u>				<u>(5.533.873.781)</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	672.055.967	-	4.190.190.203	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	239.876.318.816	-	271.866.487.415	-
Hàng hóa	71.219.683.665	-	2.535.238.346	-
	311.768.058.448	-	278.591.915.964	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp:</i>		
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn I, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	34.710.041.195	30.166.322.460
Gói 9 Cung cấp VTTB Trạm biến áp Công trình: Xây dựng mới Trạm 220/110kV Thanh Xuân	28.812.671.821	-
Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	26.799.806.529	27.159.635.475
Mua sắm thiết bị Nhất thứ Dự án: Cải tạo trạm biến áp 110kV Nhật Bản (A2.0)	17.249.731.245	-
Gói 8 Thi công khoan rỗ bốt và phần xây dựng hầm cáp mương cáp Dự án: Cáp ngầm 220kV Tao Đàn - Tân Cảng	10.902.776.523	-
Gói 9 CC xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị TBA 110kV KCN Công Xanh và ĐZ đầu nối tỉnh Bình Dương	1.590.340.753	14.428.907.373
HĐ 2022 Gói 6 Cung cấp xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị ĐZ 110kV đầu nối LSP Long Sơn	155.595.807	43.463.085.064
Các công trình, dự án khác	109.171.571.663	146.653.107.950
<i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i>		
Dự án PCI Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5 - CT2 và G8 - CT3)	7.494.996.417	7.491.426.417
Dự án khu nhà ở PCI Gia Lâm	2.596.191.784	2.410.618.176
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	392.595.079	93.384.500
	239.876.318.816	271.866.487.415

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.332.328.271.354	1.235.843.352.719	163.016.426.109	11.770.225.176	1.010.875.210	2.743.969.150.568
Tăng trong năm	952.499.342	4.316.978.110	681.818.182	8.695.108.253	137.500.000	14.783.903.887
Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán dự án	(4.339.349.286)	1.224.353.158	1.553.511.922	-	-	(1.561.484.206)
Thanh lý	-	-	(1.930.285.714)	(455.817.282)	-	(2.386.102.996)
Số dư cuối năm	1.328.941.421.410	1.241.384.683.987	163.321.470.499	20.009.516.147	1.148.375.210	2.754.805.467.253
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	232.092.176.736	276.291.256.770	74.306.017.202	7.998.172.137	951.685.875	591.639.308.720
Khấu hao trong năm	47.783.125.500	70.536.484.708	16.567.711.193	1.708.741.145	35.577.008	136.631.639.554
Thanh lý	-	-	(1.930.285.714)	(301.326.732)	-	(2.231.612.446)
Số dư cuối năm	279.875.302.236	346.827.741.478	88.943.442.681	9.405.586.550	987.262.883	726.039.335.828
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.100.236.094.618	959.552.095.949	88.710.408.907	3.772.053.039	59.189.335	2.152.329.841.848
Số dư cuối năm	1.049.066.119.174	894.556.942.509	74.378.027.818	10.603.929.597	161.112.327	2.028.766.131.425

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản cố nguyên giá 28.922 triệu VND (1/1/2023: 29.153 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.922.173 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 22(b)(i)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	1.670.064.000	2.778.134.000
Giảm khác	-	(71.664.000)	(71.664.000)
Số dư cuối năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	934.068.256	934.068.256
Khấu hao trong năm	-	339.832.797	339.832.797
Giảm khác	-	(20.576.398)	(20.576.398)
Số dư cuối năm	-	1.253.324.655	1.253.324.655
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	735.995.744	1.844.065.744
Số dư cuối năm	1.108.070.000	345.075.345	1.453.145.345

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (1/1/2023: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại Chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại Chung cư PCC1 Hà Đông Complex VND	Khu văn phòng tại Chung cư Mỹ Đình Plaza 2 VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	85.886.865.376	211.710.738.395
Nhượng bán	-	-	(3.449.659.332)	(85.886.865.376)	(89.336.524.708)
Số dư cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	20.819.861.638	-	122.374.213.687
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.899.271.736	35.064.149.865	6.316.724.613	865.927.846	47.146.074.060
Khấu hao trong năm	398.779.182	4.372.488.545	966.244.305	2.943.215.938	8.680.727.970
Nhượng bán	-	-	(996.526.239)	(3.809.143.784)	(4.805.670.023)
Số dư cuối năm	5.298.050.918	39.436.638.410	6.286.442.679	-	51.021.132.007
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6.177.253.439	55.413.677.009	17.952.796.357	85.020.937.530	164.564.664.335
Số dư cuối năm	5.778.474.257	51.041.188.464	14.533.418.959	-	71.353.081.680

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023	2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.859.555.020	3.104.884.127
Tăng trong năm	9.805.195.381	140.842.136.261
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(41.324.721.447)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(85.886.865.376)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.040.000.000)
Biến động khác	(6.428.113.835)	(7.835.878.545)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	11.236.636.566	7.859.555.020



16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.394.364.008	6.338.298.405	33.398.784.819	28.515.030.771	70.646.478.003
Tăng trong năm	1.996.719.340	9.080.531.093	-	10.543.153.422	21.620.403.855
Phân bổ trong năm	(2.244.975.119)	(5.262.667.387)	(604.662.885)	(22.957.865.285)	(31.070.170.676)
Điều chỉnh khác	-	-	(5.336.558.508)	-	(5.336.558.508)
Số dư cuối năm	2.146.108.229	10.156.162.111	27.457.563.426	16.100.318.908	55.860.152.674

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng và Cục thuế Tỉnh Hà Giang. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
		30.737.470.307

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 3.062.815.271 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình Siemens Energy Limited Company	107.080.793.198 96.229.903.174	121.246.453.021 -
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 - Miền Nam Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	86.432.400.016 73.920.000.000	141.177.753.552 -
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	26.694.392.913
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	-	88.085.345.260
Phải trả các đối tượng khác	442.535.017.014	650.579.890.846
	806.198.113.402	1.027.783.835.592

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	107.080.793.198	121.246.453.021
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	86.432.400.016	141.177.753.552
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	72.827.824.100	9.659.047.242
Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")	55.883.121.985	19.501.812.125
Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	34.402.085.687	52.958.253.387
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	5.032.534.430	5.187.209.775
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	2.126.951.535	10.999.999.999
Các công ty con cấp 1 khác	1.422.686.558	5.945.456.998
Công ty con cấp 2		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	-	7.945.184.200
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1- Mỹ Đình	-	3.441.613.026
	365.208.397.509	378.062.783.325

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng	4.561.937.571	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	11.766.678.443
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	-	4.082.901.061
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	2.203.165.757
Bên khác		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific	-	87.260.088.143
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	71.515.453.438
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị Powerchina (Lao) Sole Co., Ltd	31.214.189.119	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông	19.166.033.051	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.276.601.310	13.712.814.748
Ban Quản lý Dự án Lưới Điện Thành phố Hồ Chí Minh	-	83.740.909.091
Các khách hàng khác	-	14.258.152.880
	8.068.615.006	8.304.761.322
	<hr/>	<hr/>
	101.802.829.495	296.844.924.883
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.720.903.822	42.026.286.895	(47.241.813.802)	1.505.376.915
Thuế xuất nhập khẩu	-	559.093.585	(559.093.585)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.973.200.329	13.831.186.632	(67.914.836.273)	1.889.550.688
Thuế thu nhập cá nhân	107.487.838	6.146.704.635	(6.078.398.816)	175.793.657
Thuế tài nguyên	1.404.951.745	24.000.087.258	(24.543.881.167)	861.157.836
Thuế nhà đất	-	2.430.880.618	(2.430.880.618)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.394.609.876	15.679.317.384	(16.537.413.494)	1.536.513.768
	66.601.153.610	104.673.557.009	(165.306.317.755)	5.968.392.864

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	45.043.797.444	53.873.727.957
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp	1.212.852.084	121.923.110.882
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện đã hoàn thành	-	9.058.565.288
Chi phí trích trước quản lý vận hành các nhà máy thủy điện	2.372.267.833	2.339.710.596
	48.628.917.361	187.195.114.723

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay phải trả	10.452.528.500	8.593.620.080
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	958.027.395	961.753.395
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.836.378.546	940.220.886
Kinh phí công đoàn	142.761.278	87.422.438
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.630.586.118	4.309.395.357
	20.020.281.837	14.892.412.156

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	735.885.330	323.661.843
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	2.932.887.935	836.339.989
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	6.553.618.249	7.433.618.248
	10.222.391.514	8.593.620.080

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	2.766.612.337.867	3.257.572.892.576	(4.593.178.808.206)	1.431.006.422.237
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	95.448.000.000	230.048.000.000	(95.448.000.000)	230.048.000.000
	<u>2.862.060.337.867</u>	<u>3.487.620.892.576</u>	<u>(4.688.626.808.206)</u>	<u>1.661.054.422.237</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	115.608.041.597	138.893.055.823
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	283.545.093.202	436.326.026.864
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	114.459.443.366	147.823.804.361
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	436.540.705.500	1.128.879.617.792
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	227.759.337.190	562.870.172.288
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	80.641.120.535	240.898.438.134
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	4.853.534.209	110.921.222.605
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	114.007.847.000	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	53.591.299.638	-
		1.431.006.422.237	2.766.612.337.867

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 7,5 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	2.063.793.603.649	1.909.052.759.089
Trái phiếu thường (ii)	1.183.899.763.518	1.179.165.749.777
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(230.048.000.000)	(95.448.000.000)
	3.017.645.367.167	2.992.770.508.866

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(i) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con cấp 1						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	98.000.000.000	111.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3,0%	2027	Không có tài sản bảo đảm	72.850.371.918	10.350.371.918
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	VND	4,5%	2025	Không có tài sản bảo đảm	5.088.844.560	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Tiến Bộ	VND	4,8%	2027	Không có tài sản bảo đảm	120.000.000.000	-
Các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	386.968.395.700	428.768.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	310.709.898.607	346.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(**)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	305.034.568.179	335.082.568.179
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	(**)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	148.000.000.000	160.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở Cá nhân	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	364.929.000.713	364.929.000.713
	VND	6,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	-
					2.063.793.603.649	1.909.052.759.089

Khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 1.922.173 triệu VND (1/1/2023: 2.033.416 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Cá nhân cho Công ty vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.
- (**) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(16.100.236.482)	(20.834.250.223)
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.183.899.763.518	1.179.165.749.777

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 sở hữu (Thuyết minh 5(b)).

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty.

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	108.909.881.324	101.549.681.225
Trích lập trong năm	66.792.089.518	40.800.767.447
Sử dụng trong năm	(29.874.308.309)	(33.440.567.348)
Số dư cuối năm	145.827.662.533	108.909.881.324

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	2.351.596.490.000	711.136.556.786	198.031.531.421	64.632.444.542	943.990.018.962	4.269.387.041.711
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	667.920.895.175	667.920.895.175
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.546.261.251	-	(15.546.261.251)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(40.800.767.447)	(40.800.767.447)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	352.733.530.000	-	-	-	(352.733.530.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.685.000.000)	(3.685.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2023	2.704.330.020.000	711.136.556.786	213.577.792.672	64.632.444.542	1.199.145.355.439	4.892.822.169.439
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	112.700.657.891	112.700.657.891
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	33.396.044.759	-	(33.396.044.759)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(66.792.089.518)	(66.792.089.518)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	405.625.560.000	-	-	-	(405.625.560.000)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.890.000.000)	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	3.109.955.580.000	711.136.556.786	246.973.837.431	64.632.444.542	803.142.319.053	4.935.840.737.812

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2022: cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 352.733.530.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.712.799.231	3.496.698.529
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	18.563.996.155	13.909.003.732
	<hr/>	<hr/>
	22.276.795.386	17.405.702.261
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	178.053	4.274.435.111	4.343	101.445.379
Kíp Lào	602.363	409.607	-	-
		<hr/>		<hr/>

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023	2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.169.009.766.484	4.854.526.840.501
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản đầu tư	100.039.819.705	-
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	22.832.984.097	15.707.706.635
Doanh thu bán điện	338.713.808.232	561.234.446.403
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.041.561.887.275	997.290.682.752
Doanh thu khác	118.821.353.438	18.919.893.548
	<hr/>	<hr/>
	3.790.979.619.231	6.447.679.569.839
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2023	2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.033.012.963.919	4.191.575.895.434
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản đầu tư	84.695.154.685	-
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	11.089.354.334	8.596.993.313
Giá vốn bán điện	203.999.473.339	235.910.477.629
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.021.975.499.702	973.894.784.944
Giá vốn khác	106.218.572.956	18.409.143.251
	3.460.991.018.935	5.428.387.294.571

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	50.776.000.762	71.792.620.826
Cổ tức, lợi nhuận được chia	257.645.284.871	110.099.019.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	839.999.506	2.830.471.307
Lãi do chuyển nhượng vốn	7.617.693.026	275.400.561
Lãi bán hàng trả chậm	6.234.954.175	2.686.001.940
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	720.218.410	-
	323.834.150.750	187.683.514.396

31. Chi phí tài chính

	2023	2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	398.692.084.043	307.826.610.177
Chi phí phát hành trái phiếu	4.734.013.741	3.111.204.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	974.892.570	5.027.228.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	316.790.666
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	220.390.619	787.237.329
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	3.788.757.107
Chi phí tài chính khác	1.072.086.966	-
	405.693.467.939	320.857.828.375

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí bán hàng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.682.521.319	8.977.765.765
Chi phí bán hàng khác	131.913.921	88.647.066
	<hr/>	<hr/>
	11.814.435.240	9.066.412.831

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	4.271.107.968	5.205.936.617
Chi phí nhân công	61.686.946.798	68.575.204.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.226.378.620	4.897.877.330
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(350.000.000)	(1.290.688.232)
Thuế, phí, lệ phí	1.437.126.759	2.098.728.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.613.197.475	20.781.365.613
Chi phí khác bằng tiền	8.640.145.500	9.179.688.348
	<hr/>	<hr/>
	111.524.903.120	109.448.112.782

34. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	4.370.152.063	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	442.635.813	1.528.180.500
Thu nhập khác	2.064.048.155	12.615.930.580
	<hr/>	<hr/>
	6.876.836.031	14.144.111.080

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Chi phí khác**

	2023 VND	2022 VND
Các khoản phạt	5.048.326.330	8.431.956.850
Chi phí khác	86.609.925	24.624
	<hr/>	<hr/>
	5.134.936.255	8.431.981.474
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	471.631.195.880	1.450.635.354.250
Chi phí nhân công	73.342.802.676	83.285.760.651
Chi phí khấu hao tài sản và phân bổ	145.652.200.321	136.409.422.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.753.736.297.437	2.963.129.518.952
Chi phí khác	39.055.417.559	54.255.440.297
	<hr/>	<hr/>
	2.483.417.913.873	4.687.715.496.926
	<hr/>	<hr/>

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.076.724.021	105.122.351.228
Dự phòng thiếu trong những năm trước	11.754.462.611	272.318.879
	<hr/>	<hr/>
	13.831.186.632	105.394.670.107
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	126.531.844.523	773.315.565.282
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.306.368.905	154.663.113.056
Chi phí không được khấu trừ thuế	978.598.702	1.860.707.277
Thu nhập không bị tính thuế	(51.529.056.974)	(22.019.803.952)
Ưu đãi thuế	-	(28.453.314.127)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(10.449.674.349)	-
Ảnh hưởng thuế liên quan đến chi phí lãi vay vượt mức 30% theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP	35.616.625.260	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên lỗ tính thuế	2.153.862.477	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	11.754.462.611	272.318.879
Khác	-	(928.351.026)
	13.831.186.632	105.394.670.107

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	178.083.126.300	35.616.625.260	-	-
Lỗ tính thuế	10.769.312.383	2.153.862.477	-	-
	188.852.438.683	37.770.487.737	-	-

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này có hiệu lực như sau:

Năm cuối cùng còn hiệu lực	Tình hình quyết toán	Chi phí lãi vay được khấu trừ trong các năm sau VND
2028	Chưa quyết toán	178.083.126.300

Lỗ tính thuế có hiệu lực như sau:

Năm cuối cùng còn hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	Chưa quyết toán	10.769.312.383

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty con cấp 1		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	7.992.471.987	1.306.652.790
Mua dịch vụ xây lắp	319.929.264.163	334.583.134.744
Lợi nhuận được chia	-	2.500.000.000
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	-	6.760.812.315
Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỗ")		
Doanh thu cho thuê	340.106.090	340.106.091
Doanh thu bán hàng hóa	8.792.661.838	10.820.817.222
Mua dịch vụ xây lắp	195.371.575.363	160.887.786.997
Lợi nhuận được chia	-	500.000.000
Chuyển nhượng vốn	1.480.935.067	-
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	79.740.000
Mua dịch vụ xây lắp	16.811.375.046	70.496.755.825
Lợi nhuận được chia	14.626.338.660	9.226.338.660
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình		
Doanh thu bán hàng hóa	18.300.943.404	7.299.071.777
Doanh thu cho thuê	553.373.100	553.373.100
Mua dịch vụ xây lắp	251.305.696.765	240.363.894.246
Lợi nhuận được chia	-	1.121.546.065
Góp vốn	-	15.000.000.000
Chuyển nhượng đầu tư vào công ty con	-	10.275.400.561
Chi phí lãi trả chậm	96.178.940	66.877.756
Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê	1.499.163.684	1.619.987.095
Mua hàng hóa	1.981.288.700	2.084.108.406
Lợi nhuận được chia	1.870.104.537	-
Mua dịch vụ	953.927.927	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là “Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai”)		
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	8.606.581.962	11.651.695.000
Lãi chậm trả	37.928.794	-
Mua dịch vụ xây lắp	106.751.698.138	183.134.560.075
Chi phí lãi vay trả chậm	118.726.800	-
Lợi nhuận được chia	-	500.000.000
Chuyển nhượng vốn	1.433.748.375	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ	-	2.704.574.899
Mua dịch vụ xây lắp	1.799.686.972	58.501.618.517
Cổ tức được chia	-	1.023.600.960
Chi phí lãi trả chậm	718.784.008	693.106.470
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông		
Doanh thu cho thuê	-	79.637.771
Mua dịch vụ xây lắp	756.085.812	23.530.554.558
Mua tài sản cố định	2.125.302.487	-
Mua công cụ dụng cụ	181.523.050	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê	123.082.134	67.526.580
Cổ tức được chia	26.397.234.000	40.200.000.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cho thuê	231.709.092	231.709.092
Cổ tức được chia	1.377.000.000	433.500.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Vay	62.500.000.000	-
Chi phí lãi vay	412.223.487	323.661.843
Cổ tức được chia	17.819.655.000	3.563.931.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cho thuê	95.301.816	95.301.816
Cổ tức được chia	-	29.817.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Lãi cho vay	455.753.425	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	28.066.652.787	35.484.488.638
Cổ tức được chia	-	5.094.900.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ tư vấn	-	2.712.000.000
Doanh thu cho thuê	88.555.554	-
Cổ tức được chia	14.702.758.871	11.678.975.272
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	64.720.521.806
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	396.607.314	-
Doanh thu từ thanh lý tài sản	61.000.000	-
Cho vay	-	12.372.900.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	386.693.454	878.291.130
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>328.486.804</i>	<i>776.301.450</i>
Cổ tức được chia	13.245.018.859	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	48.488.593.431
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.607.314	-
Cho vay	-	17.489.339.150
Lãi cho vay và lãi trả chậm	1.085.320.052	3.622.333.766
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.106.168.445</i>	<i>3.315.223.748</i>
Cổ tức được chia	55.327.225.294	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	76.564.842.774
Doanh thu cho thuê	6.400.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	396.607.314	-
Cho vay	-	17.489.339.150
Lãi cho vay và lãi trả chậm	1.408.008.583	3.622.333.767
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.161.243.228</i>	<i>3.315.223.749</i>
Cổ tức được chia	55.361.949.650	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ		
Mua tài sản cố định	2.720.161.500	-
Lãi cho vay	-	61.890.411
Mua hàng hóa	77.486.247.425	45.871.931.580
Cổ tức được chia	918.000.000	306.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát		
Cho vay	-	21.000.000.000
Doanh thu cho thuê	178.036.368	-
Doanh thu dịch vụ	103.647.013.729	-
Lãi cho vay	8.632.344.358	6.008.097.379
<i>Bao gồm lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>6.307.269.431</i>	<i>4.772.496.378</i>
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	3.347.112.037
Góp vốn	-	130.587.600.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ		
Cho vay	-	22.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	1.169.556.165
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	790.227.273
Lãi cho vay	879.999.999	378.520.548
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	3.441.745.063
Vay	30.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	2.096.547.946	3.989.178.082
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Gâm		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.078.692.394	-
Doanh thu cho thuê	33.000.000	-
Cho vay	6.000.000.000	15.000.000.000
Lãi cho vay	746.235.616	304.109.589
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	15.840.000.000	-
Chuyển nhượng vốn	17.940.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.922.269.249	-
Cổ tức được chia	56.000.000.000	-
Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.422.958.730	-
Doanh thu cho thuê	197.777.778	-
Góp vốn	9.800.000.000	-
PC1 Australia Pty Ltd		
Góp vốn	5.118.723.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty con cấp 2		
<i>Công ty Cổ phần Cột thép Mỹ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>		
Lãi cho vay	937.069.883	2.029.319.669
Lãi trả chậm	2.951.196.542	-
Doanh thu bán hàng hóa	-	55.620.000
Mua hàng hóa	479.248.888	13.134.589.797
Doanh thu bán tài sản cố định	-	540.909.091
<i>Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện ETIK - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</i>		
Mua dịch vụ xây lắp	1.509.140.126	4.751.438.417
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Từ Liêm - công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	-	6.185.406.158
Mua dịch vụ xây lắp	7.894.289.627	84.646.130.205
Thoái vốn	-	10.549.569.422
Chi phí lãi trả chậm	138.397.218	102.385.565
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Ninh Bình – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình</i>		
Doanh thu cho thuê	-	66.049.030
Doanh thu bán hàng hóa	5.277.954.237	1.514.151.740
Mua dịch vụ xây lắp	21.564.080.309	10.050.141.303
Lãi cho vay	306.342.466	359.178.082
Lợi nhuận được chia	-	4.123.941.605
Thoái vốn	-	10.000.000.000
Bù trừ công nợ với khoản cho vay	5.000.000.000	-
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình</i>		
Mua cổ phần	68.400.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	1.810.000.000	5.557.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	270.000.000	345.000.000
Ông Võ Hồng Quang	270.000.000	345.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	270.000.000	345.000.000
Ông Mai Lương Việt	270.000.000	345.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Ánh Dương	1.125.749.371	1.965.165.439
Ông Võ Hồng Quang	871.136.214	1.449.997.571
Ông Nguyễn Minh Đệ	1.180.868.000	1.131.850.000
Ông Đặng Quốc Tường	994.540.361	1.816.681.299
Ông Nguyễn Nhật Tân	878.279.634	1.130.577.650
Ông Vũ Văn Tứ	-	52.165.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	405.625.560.000	352.733.530.000
Lãi cho vay nhập gốc phải thu về cho vay	8.903.167.908	12.179.245.325
Tăng đầu tư vào công ty con thông qua bù trừ khoản phải thu	-	4.724.599.439
Tăng đầu tư vào một công ty con thông qua chuyển khoản đầu tư vào một công ty con khác	-	10.275.400.561
Bù trừ phải thu về cho vay và phải trả người bán	-	2.000.000.000
Bù trừ khoản người mua trả trước với khoản phải thu về cho vay	27.360.185.058	-
Góp vốn bằng khoản phải thu về cho vay	15.840.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc





Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 19 tháng 12 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 19 tháng 12 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Mai Lương Việt	Thành viên (đến ngày 1/2/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Ánh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 70.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00132-24-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1



Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.868.401.655.191	7.913.404.977.944
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.082.217.682.721	2.581.357.801.353
Tiền	111		472.109.384.006	477.612.182.175
Các khoản tương đương tiền	112		1.610.108.298.715	2.103.745.619.178
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		780.833.305.437	1.006.095.364.843
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	780.833.305.437	1.006.095.364.843
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.821.230.919.203	3.174.355.680.627
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.928.169.781.905	2.255.159.840.624
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	217.194.103.053	226.419.010.740
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	288.724.410.051	255.092.249.280
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	399.538.361.777	444.700.152.290
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(12.395.737.583)	(7.015.572.307)
Hàng tồn kho	140	12	943.727.441.090	890.118.267.963
Hàng tồn kho	141		944.433.461.208	898.534.771.574
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(706.020.118)	(8.416.503.611)
Tài sản ngắn hạn khác	150		240.392.306.740	261.477.863.158
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	12.689.346.830	11.278.376.046
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		226.395.550.873	247.526.165.016
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	22	1.307.409.037	2.673.322.096
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		13.366.395.914.223	13.841.008.540.434
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.779.136.760	8.282.829.500
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	14.779.136.760	8.282.829.500
Tài sản cố định	220		10.759.977.574.659	9.903.573.955.286
Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.519.201.639.687	8.596.232.617.877
Nguyên giá	222		12.419.829.155.708	10.863.077.105.285
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.900.627.516.021)	(2.266.844.487.408)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		4.905.112.226	5.425.503.234
Nguyên giá	225		5.791.150.000	5.596.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(886.037.774)	(171.296.766)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.235.870.822.746	1.301.915.834.175
Nguyên giá	228		1.382.368.621.252	1.385.960.448.543
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(146.497.798.506)	(84.044.614.368)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Bất động sản đầu tư	230	15	145.675.172.322	271.049.265.804
Nguyên giá	231		558.088.029.012	681.352.966.331
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(412.412.856.690)	(410.303.700.527)
Tài sản dở dang dài hạn	240		107.818.401.504	1.375.792.992.689
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	107.818.401.504	1.375.792.992.689
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.606.569.505.763	1.538.001.129.454
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	1.605.353.748.672	1.536.564.981.744
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	4.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.606.012.909)	(3.385.622.290)
Tài sản dài hạn khác	260		731.576.123.215	744.308.367.701
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	478.808.935.599	448.753.359.961
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	34.226.534.092	40.710.658.667
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.198.615.537	3.407.937.257
Lợi thế thương mại	269	19	216.342.037.987	251.436.411.816
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.234.797.569.414	21.754.413.518.378
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		12.964.400.258.570	14.581.667.435.007
Nợ ngắn hạn	310		4.714.620.923.896	5.950.347.915.950
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.048.601.949.747	1.284.961.762.512
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	136.780.178.266	321.766.352.285
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	22	113.446.376.786	102.462.696.442
Phải trả người lao động	314		56.308.500.869	52.140.889.355
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	216.868.137.878	329.996.545.492
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.697.211.060	1.964.730.577
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	102.223.715.675	19.451.864.183
Vay ngắn hạn	320	25(a)	2.838.478.333.363	3.677.264.468.074
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	12.523.794.502	12.989.719.775
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	184.692.725.750	147.348.887.255
Nợ dài hạn	330		8.249.779.334.674	8.631.319.519.057
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		926.919.632	339.350.104
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	10.845.031.988	11.297.283.088
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	7.902.006.174.976	8.284.189.794.923
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	304.986.716.432	315.982.038.113
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	31.014.491.646	19.511.052.829

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.270.397.310.844	7.172.746.083.371
Vốn chủ sở hữu	410	28	7.270.397.310.844	7.172.746.083.371
Vốn cổ phần	411	29	3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.109.955.580.000	2.704.330.020.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Vốn khác của chủ sở hữu	414		46.847.073.442	29.026.800.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		708.285.511	708.285.511
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		105.169.358	(116.709.425)
Quỹ đầu tư phát triển	418		292.725.159.814	261.072.092.951
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		65.403.533.120	65.418.160.381
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		956.798.821.659	1.344.532.665.968
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		819.716.498.088	888.392.277.813
- LNST năm nay	421b		137.082.323.571	456.140.388.155
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.086.717.131.154	2.056.638.211.199
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.234.797.569.414	21.754.413.518.378

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



Mu Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	7.775.239.783.868	8.357.602.470.324
Giá vốn hàng bán	11	32	6.194.135.244.151	6.763.095.524.845
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.581.104.539.717	1.594.506.945.479
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	182.694.013.188	95.203.791.873
Chi phí tài chính	22	34	967.330.851.856	766.697.259.907
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>843.641.541.921</i>	<i>605.030.533.904</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		1.577.383.209	697.381.631
Chi phí bán hàng	25	35	55.980.734.072	(8.391.008.009)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	335.208.954.077	285.281.303.728
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		406.855.396.109	646.820.563.357
Thu nhập khác	31	37	10.795.650.746	19.729.647.491
Chi phí khác	32	38	28.732.891.615	61.105.267.253
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(17.937.240.869)	(41.375.619.762)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		388.918.155.240	605.444.943.595
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	40	90.396.362.846	133.948.375.022
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	40	(4.511.197.107)	(65.435.335.150)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		303.032.989.501	536.931.903.723

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		303.032.989.501	536.931.903.723
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty	61		139.972.323.571	459.825.388.155
Cổ đông không kiểm soát	62		163.060.665.930	77.106.515.568
Lãi trên cổ phiếu				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	405	1.251

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

 
 Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	388.918.155.240	605.444.943.595
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	763.378.294.562	626.513.539.370
Các khoản dự phòng	03	8.927.585.946	(17.762.786.386)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	87.854.980.078	131.056.690.530
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(188.221.520.054)	(92.543.222.753)
Chi phí lãi vay	06	848.375.555.662	608.141.738.226
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.909.233.051.434	1.860.850.902.582
Biến động các khoản phải thu	09	413.735.295.286	34.259.440.774
Biến động hàng tồn kho	10	(23.954.281.021)	22.306.830.066
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(281.225.384.255)	116.259.586.529
Biến động chi phí trả trước	12	12.055.953.375	(50.121.035.517)
		2.029.844.634.819	1.983.555.724.434
Tiền lãi vay đã trả	14	(860.760.606.701)	(574.362.003.548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(102.724.509.099)	(82.088.818.415)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.052.117.239)	(37.977.480.668)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.032.307.401.780	1.289.127.421.803
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(474.556.898.735)	(1.728.786.877.736)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	168.210.675.156	3.215.091.330
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(1.047.101.801.345)	(947.275.404.425)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	1.239.957.199.980	349.354.673.634
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(68.400.000.000)	(1.543.035.543.694)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	28.472.376.468	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	98.803.414.042	58.072.541.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(54.615.034.434)	(3.808.455.519.529)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	3.213.643.532	97.424.400.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu dài hạn	33	5.792.450.483.265	8.718.887.919.551
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.161.637.703.122)	(5.964.736.157.497)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.577.956.458)	-
Tiền trả cổ tức	36	(124.230.827.303)	(40.013.773.467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.491.782.360.086)	2.811.562.388.587
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(514.089.992.740)	292.234.290.861
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.581.357.801.353	2.291.977.758.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	14.727.995.325	(2.737.538.787)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	61a	221.878.783	(116.709.425)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 61a) (Thuyết minh 5)	70	2.082.217.682.721	2.581.357.801.353

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 24 ngày 19 tháng 12 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp các công trình của Công ty và các công ty con căn cứ theo thời gian đầu tư, thi công của từng công trình, dự án. Chu kỳ kinh doanh thông thường đối với các hoạt động khác của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 26 công ty con cấp 1 và 4 công ty con cấp 2 (1/1/2023: 23 công ty con cấp 1 và 5 công ty con cấp 2) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu	
				31/12/2023	1/1/2023
Công ty con cấp 1					
1	Công ty Cổ phần PCI Hà Nội (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Đại Mỹ")	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	100,00%
2	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Nam	Xây lắp điện	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Miền Bắc	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Mỹ Đình	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hà Đông	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV PCI Nàng Hương	Cung cấp dịch vụ	Hà Nội	100,00%	100,00%
7	Công ty Cổ phần PCI Thăng Long (trước đây là "Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 1 - Hoàng Mai")	Xây lắp điện	Hà Nội	66,00%	100,00%
8	Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đồng Anh	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan, dịch vụ vẽ mạ; mua bán thép, kẽm, vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép; mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện	Hà Nội	90,00%	90,00%
9	Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Điện Biên	60,00%	60,00%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,39%	99,39%
11	Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	Hà Nội	51,00%	51,00%
12	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,83%	99,83%
13	Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Quản lý sau đầu tư thủy điện và điện gió	Cao Bằng	99,90%	99,90%
14	Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Sản xuất và kinh doanh điện năng	Cao Bằng	51,00%	51,00%
15	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Đầu tư kinh doanh bất động sản	Hà Nội	99,95%	99,95%
16	Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	55,54%	55,54%
17	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,70%	54,70%
18	Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Sản xuất điện từ năng lượng gió	Quảng Trị	54,73%	54,73%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Cung cấp vật tư thiết bị và cấu hình hệ thống điện	Hà Nội	51,00%	51,00%
20	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	Khai thác khoáng sản	Cao Bằng	57,27%	57,27%
21	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Sản xuất điện	Cao Bằng	60,00%	99,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ % quyền biểu quyết và tỷ lệ % sở hữu	
				31/12/2023	1/1/2023
Công ty con cấp 1					
22	Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	Cho thuê nhà xưởng	Hà Nội	99,75%	99,75%
23	Asia Dragon Trading Pte. Ltd. (trước đây là “PCI Global Trading Pte. Ltd.”)	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	Singapore	100,00%	100,00%
24	Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng (**)	Kinh doanh cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp	Hải Phòng	99,00%	-
25	Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (***)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích, dịch vụ của khu công nghiệp	Hải Phòng	70,00%	70,00%
26	PCI Australia Pty Ltd (****)	Kinh doanh sản phẩm thép	Australia	100,00%	-
Công ty con cấp 2					
<i>Công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>					
1	Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên	Sản xuất các loại cột thép mạ kẽm	Thái Nguyên	81,00%	81,00%
<i>Công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình</i>					
2	Công ty Cổ phần Thí nghiệm Điện ETIK	Kiểm định, thử nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị dụng cụ điện áp đến 110 kV	Hà Nội	51,00%	51,00%
3	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	Xây lắp điện	Ninh Bình	100,00%	100,00%
<i>Công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam</i>					
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	Xây lắp điện	Hà Nội	100,00%	100,00%

(*) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn 9.800.000.000 VND vào công ty con, Công ty Cổ phần KCN Quốc tế Hải Phòng với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 99%.

(**) Ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng trở thành công ty con cấp 1 của Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng toàn bộ 70% vốn góp của Asia Dragon Trading Pte. Ltd tại Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng.

(***) Ngày 23 tháng 11 năm 2023, Công ty đã hoàn thành việc góp 211.500 Đô la Mỹ (tương đương 5.118.723.000 VND) vốn vào công ty con, PCI Australia Pty Ltd với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết đối với công ty này là 100%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 4 công ty liên kết (1/1/2023: 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty và các công ty con có 1.595 nhân viên (1/1/2023: 1.527 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Công ty sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Công ty sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua, nếu có phát sinh chênh lệch.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Công ty liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ với tỷ giá tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) **Các khoản đầu tư**

(i) **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) **Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 – 7 năm

(h) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền khai thác khoáng sản**

Quyền khai thác khoáng sản phản ánh giá trị trữ lượng khoáng sản tại mỏ đồng và niken của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát, một công ty con của Công ty. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 21,5 năm.

(ii) **Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (NHIZ)**

Quyền khai thác, vận hành Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng (NHIZ) được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian khai thác dự kiến là 22 năm.

(iii) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 đến 49 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(iv) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(i) **Bất động sản đầu tư cho thuê**

(i) **Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	48 năm
▪ chung cư cho thuê	5 – 30 năm
▪ nhà xưởng	30 năm

(j) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(ii) **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê trong khoảng thời gian từ 44 đến 49 năm.

(iii) **Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện**

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên trong khoảng thời gian từ 11 đến 67 năm.

(iv) **Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió**

Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình điện gió được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các dự án nhà máy điện gió Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy trong vòng 49 năm.

(v) **Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công**

Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công gồm các chi phí mua lại quyền sử dụng khu đất 120 Định Công. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng khu đất là 50 năm.

(vi) **Chi phí thuê hạ tầng**

Chi phí thuê hạ tầng đầu nối dự án được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 48 năm.

(vii) **Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua các công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty hoặc công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty hoặc công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty hoặc công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty hoặc công ty con sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty liên kết của Công ty.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và xây dựng;
- Sản xuất công nghiệp;
- Bất động sản;
- Năng lượng;
- Thương mại;
- Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp;
- Khai khoáng; và
- Các hoạt động khác.

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng, hiện tại Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Lợi trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023										
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	5.828.968.348.359	1.218.148.180.352	192.531.977.998	1.532.041.358.298	1.042.889.712.645	614.102.201.835	1.379.395.161.473	164.182.450.358	(2.197.025.607.450)	7.775.239.783.868
Giá vốn hàng bán bộ phận	(3.995.376.108.331)	(1.088.309.973.617)	(143.827.157.734)	(804.734.609.638)	(1.024.318.903.004)	(475.527.762.175)	(1.125.389.673.275)	(127.032.116.211)	2.190.380.659.834	(6.194.135.244.151)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	233.592.240.028	129.838.206.735	48.710.820.264	727.306.748.660	18.571.209.641	138.574.439.660	254.005.488.198	37.150.334.147	(6.644.947.616)	1.581.104.539.717
Chi phí bán hàng										(55.980.734.072)
Chi phí quản lý doanh nghiệp										(335.208.954.077)
Doanh thu hoạt động tài chính										182.694.013.188
Chi phí tài chính										(967.330.851.850)
Phân bổ trong công ty liên kết										(17.937.240.869)
Kết quả từ các hoạt động khác										(85.885.165.739)
Chi phí thuế TNDN										<u>303.032.989.501</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN										

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khui thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022									
Doanh thu hợp nhất của bộ phận	6.514.601.784.581	829.168.796.030	140.020.623.138	1.795.472.621.931	997.290.682.752	79.567.779.381	67.091.762.963	(2.065.611.580.452)	8.357.602.470.324
Giá vốn hàng bán bộ phận	(5.762.575.128.910)	(763.191.104.225)	(81.657.085.619)	(843.809.500.492)	(973.894.784.944)	(63.735.615.998)	(61.786.609.977)	1.787.552.305.318	(6.763.095.524.845)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	752.028.655.671	65.977.691.807	58.363.537.519	951.663.121.439	23.395.897.808	15.832.163.383	5.305.152.986	(278.059.275.134)	1.594.506.945.479
Chi phí bán hàng									8.391.008.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp									(285.281.303.728)
Doanh thu hoạt động tài chính									95.203.791.873
Chi phí tài chính									(766.697.259.907)
Phân tử trong công ty liên kết									697.381.631
Kết quả từ các hoạt động khác									(41.375.619.762)
Chi phí thuế TNDN									(68.513.039.872)
Lợi nhuận sau thuế TNDN									536.931.903.723

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Xây lắp và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Khu Công nghiệp VND	Khai khoáng VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023									
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	1.785.112.438.471	615.627.526.236	641.021.661.625	9.375.187.205.478	427.528.123.407	967.507.580.226	2.123.493.727.661	60.903.882.097	15.996.382.145.801 4.238.415.423.613
Tổng tài sản									20.234.797.569.414
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	1.285.497.458.389	462.921.677.656	175.788.886.205	5.961.831.694.396	87.253.110.028	46.218.223.152	1.375.877.222.497	3.828.607.130	9.399.216.879.453 3.565.183.379.117
Tổng nợ phải trả									12.964.400.258.570
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023									
Chỉ tiêu vốn	7.472.558.750	16.465.294.758	-	25.554.140.852	-	19.878.004.297	417.551.228.726	19.400.866.320	506.322.093.703
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	19.195.175.416	10.976.436.527	1.308.947.444	502.465.450.199	-	15.719.182.762	87.999.925.934	7.031.049.896	644.696.168.178
Khấu hao tài sản cố định vô hình	83.832.799	30.768.719	-	-	-	17.837.760.714	45.466.804.505	255.999.998	63.675.166.735
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	714.741.008	-	-	-	-	-	-	-	714.741.008
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	11.283.445.012	-	-	13.314.633.201	-	-	24.598.078.213

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nây lập và xây dựng VND	Sản xuất công nghiệp VND	Bất động sản VND	Năng lượng VND	Thương mại VND	Khai thác, vận hành Kho Công nghiệp VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023								
Tài sản của bộ phận	2.662.042.525.503	511.746.397.077	710.323.887.478	10.073.219.742.757	246.776.792.320	869.204.133.809	2.602.767.233.974	17.676.080.712.918
Tài sản không phân bổ								4.078.332.805.460
Tổng tài sản								21.754.413.518.378
Nợ phải trả của bộ phận	1.506.433.619.992	396.678.745.168	40.670.230.886	7.206.084.093.389	101.411.833.953	36.697.451.834	1.044.465.297.287	10.332.441.272.509
Nợ phải trả không phân bổ								4.249.226.162.498
Tổng nợ phải trả								14.581.667.435.007
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Chú tiêu vốn	55.653.234.091	2.914.690.127	-	21.652.066.667	-	-	1.036.077.506.014	1.116.297.496.899
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	15.128.728.418	11.194.443.974	1.226.519.538	492.912.220.144	-	2.724.348.163	4.448.041.182	527.634.301.419
Khấu hao tài sản cố định vô hình	331.743.603	-	-	-	-	2.546.721.068	45.493.471.167	48.371.935.838
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	171.296.766	-	-	-	-	-	-	171.296.766
Khấu hao bất động sản đầu tư	-	-	13.515.977.667	-	-	-	-	13.515.977.667

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	22.292.697.470	19.306.652.777
Tiền gửi ngân hàng	449.156.686.536	458.305.529.398
Tiền đang chuyển	660.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (*)	1.610.108.298.715	2.103.745.619.178
	<u>2.082.217.682.721</u>	<u>2.581.357.801.353</u>

- (*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,3% – 4,2%/năm (1/1/2023: 4,6% – 6,0%/năm).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	780.833.305.437	1.006.095.364.843

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 1,4% – 9,5%/năm (1/1/2023: từ 1,0% – 5,0%/năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2023			
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	25,09%	126.907.281.952	(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	49,00%	300.000.000.000	(**)
Công ty Cổ phần Western Pacific	30,08%	30,08%	1.110.046.466.720	(**)
Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình (*)	36,00%	36,00%	68.400.000.000	(**)
			<u>1.605.353.748.672</u>	

(*) Ngày 7 tháng 4 năm 2023, Công ty Cổ phần Kho bãi Phú Bình trở thành công ty liên kết của Công ty sau khi Công ty hoàn tất việc mua lại 1.800.000 cổ phần từ các cổ đông hiện hữu.

	1/1/2023			
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	25,09%	25,09%	127.811.507.354	(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	49,00%	49,00%	300.000.000.000	(**)
Công ty Cổ phần Western Pacific	30,08%	30,08%	1.108.753.474.390	(**)
			<u>1.536.564.981.744</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	31/12/2023		Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	58.396	0,00115%	0,00115%	821.770.000	-	2.534.386.400
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(3.606.012.909)	(**)
				<u>4.821.770.000</u>	<u>(3.606.012.909)</u>	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	1/1/2023		Giá trị hợp lý VND
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	58.396	0,00115%	0,00115%	821.770.000	-	2.254.085.600
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	400.000	10,00%	10,00%	4.000.000.000	(3.385.622.290)	(**)
				<u>4.821.770.000</u>	<u>(3.385.622.290)</u>	

(**) Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	300.562.675.147	215.960.677.903
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Nam	199.345.804.016	182.712.948.137
Ban Quản lý Dự án Điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	162.767.074.244	-
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực Hà Nội – Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội	152.899.801.367	19.215.144.250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thương mại Tân Việt	115.783.438.893	-
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Trung	79.296.269.106	67.422.966.473
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện Miền Bắc	76.016.197.514	82.986.303.726
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	50.000.000.000	758.952.550.730
Các khoản phải thu khách hàng khác	791.498.521.618	927.909.249.405
	1.928.169.781.905	2.255.159.840.624

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	95.988.840.482
Công ty Cổ phần Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Thăng Long	17.877.622.227	-
Công ty TNHH Xuân An Phú Thọ	2.310.575.267	10.113.842.440
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Chấn Hưng	-	21.216.637.391
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Định Tân	-	9.428.002.849
Các nhà cung cấp khác	101.017.065.077	89.671.687.578
	217.194.103.053	226.419.010.740

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng Xanh Toàn Cầu (trước đây là "Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1")	2.588.410.051	2.886.249.280
Nguyễn Tất Cường (*)	255.075.000.000	215.075.000.000
Trần Thị Tuyết (**)	29.631.000.000	37.131.000.000
Cá nhân khác	1.430.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	288.724.410.051	255.092.249.280

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn một cá nhân (không phải bên liên quan) của một công ty con của Công ty, hưởng lãi suất từ 5,0% – 6,0%/năm, gốc và lãi được trả vào ngày 31 tháng 5 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(**) Đây là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn một cá nhân (không phải bên liên quan) của một công ty con của Công ty, hưởng lãi suất 3,5%/năm, gốc và lãi được trả theo Phụ lục hợp đồng số PL.01-2022-TP-TTT vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong năm 2023, khoản vay này được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	176.611.651.982	283.380.203.213
Tạm ứng cho nhân viên	103.920.144.217	82.039.375.924
Phải thu tạm ứng các đội, ban chỉ huy công trình	24.856.454.080	31.531.436.014
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	58.534.783.875	33.051.440.018
Ký cược, ký quỹ	29.474.663.501	5.726.051.699
Phải thu khác	6.140.664.122	8.971.645.422
	<hr/>	<hr/>
	399.538.361.777	444.700.152.290

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù tại các công trình xây lắp và sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại và tạm ứng để chi trả tiền đền bù dự án bất động sản, dự án năng lượng.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	14.779.136.760	8.282.829.500
	<hr/>	<hr/>

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2023			Thời gian quá hạn	1/1/2023		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Trần Nhung (Đội xây lắp số 3) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hoàng Tiến Phát	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1) Công ty Cổ phần Quốc tế Nachi	Từ 1 đến 2 năm	9.868.790.946	(4.934.395.473)	4.934.395.473		-	-	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Công ty Cổ phần Xây lắp điện Hà Nội	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
	Từ 2 đến 3 năm	101.292.413	(50.646.207)	50.646.206	Từ 2 đến 3 năm	101.292.413	(50.646.207)	50.646.206
	Từ 2 đến 3 năm	614.880.000	(614.880.000)	-	Từ 1 đến 2 năm	614.880.000	(614.880.000)	-
	Dưới 1 năm	2.631.941.262	(789.582.379)	1.842.358.883		-	-	-
Các khách hàng khác	Từ 2 đến trên 3 năm	3.932.949.934	(3.436.045.634)	496.904.300	Từ 2 đến trên 3 năm	4.132.949.934	(3.779.858.210)	353.091.724
		<u>19.720.042.445</u>	<u>(12.395.737.583)</u>	<u>7.324.304.862</u>		<u>7.419.310.237</u>	<u>(7.015.572.307)</u>	<u>403.737.930</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(12.395.737.583)

(7.015.572.307)



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	499.380.000	-	7.402.657.366	-
Nguyên vật liệu	212.530.977.247	(706.020.118)	307.908.804.848	(8.416.503.611)
Công cụ, dụng cụ	21.353.261.041	-	1.515.992.384	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	511.603.111.316	-	578.560.601.010	-
Thành phẩm	127.721.376.040	-	-	-
Hàng hoá	70.725.355.564	-	3.146.715.966	-
	944.433.461.208	(706.020.118)	898.534.771.574	(8.416.503.611)

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án kinh doanh bất động sản:		
Khu hỗn hợp văn phòng, thương mại và căn hộ PCC1 Vĩnh Hưng	14.399.687.700	14.399.687.700
Dự án PC1 Bắc Từ Liêm (Khu nhà ở để bán G5 - CT2 và G8 - CT3)	7.494.996.417	7.491.426.417
Dự án khu nhà ở PC1 Gia Lâm	2.596.191.784	2.410.618.176
Dự án khác	4.003.974.491	4.858.180.345
Hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp:		
EPC Dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1, Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2, 3 và Ngăn lộ MR 110kV tại TBA 220kV Năm Căn	34.710.041.195	30.166.322.460
ĐZ 110kV TBA 220kV Nông Cống - Nghi Sơn	29.159.734.663	34.721.925.359
Gói 9 Cung cấp VTTB Trạm biến áp Công trình: Xây dựng mới Trạm 220/110kV Thanh Xuân	28.812.671.821	-
Gói Tổng thầu thi công Hạ tầng kỹ thuật - KCN Yên Phong II-A, Dự án: Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Phong II-A	26.799.806.529	27.159.635.475
ĐZ 500/220kV Nhơ Quan - Phú Lý - Thường Tín (Lô 14.1)	11.979.727.800	-
Trạm biến áp 220kV Nghĩa Lộ	11.300.529.252	-
Gói 9 CC xây dựng lắp đặt vật tư thiết bị TBA 110kV KCN Công Xanh và ĐZ đầu nổi tỉnh Bình Dương	1.590.340.753	14.428.907.373
Gói 9 lô 9.8 VT54-01 VT61-01 và lô 9.11 VT80-2 VT91-01	-	9.439.117.643
Xây lắp Dự án ĐZ500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi	-	-
HD 2022 Gói 6 Cung cấp xây dựng và lắp đặt vật tư thiết bị ĐZ 110kV đầu nổi LSP Long Sơn	155.595.807	43.463.085.064

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Các công trình khác	316.671.183.243	350.181.029.365
<i>Hoạt động sản xuất công nghiệp:</i>		
Dự án Hoàng Hóa	4.890.321.811	-
Dự án Nam Định 1 - Thanh Hóa	4.884.839.086	-
Dự án Ba Chè - Núi 1	2.805.284.893	5.277.111.337
Dự án Mỹ Khê	3.091.408.555	10.911.988.900
Dự án Đô Lương - Sông Lam 1	2.798.248.686	-
Dự án Australia	1.905.059.755	-
Dự án Hòa Phát	1.213.064.602	-
Dự án CNC Đồng Nai	-	13.184.814.501
Các công trình, dự án khác	340.402.473	10.466.750.895
	<hr/>	<hr/>
	511.603.111.316	578.560.601.010
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.618.545.938.027	6.733.227.964.821	435.140.303.960	23.008.640.807	53.154.257.670	10.863.077.105.285
Tăng trong năm	1.105.198.932	10.353.195.443	6.042.291.502	9.823.322.982	936.500.000	28.260.508.859
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	876.431.116.632	663.653.015.665	1.635.000.000	-	2.082.582.204	1.543.801.714.501
Thanh lý	(826.782.374)	(4.175.297.137)	(7.380.691.003)	(455.817.282)	-	(12.838.587.796)
Xóa sổ	-	(655.488.016)	-	-	-	(655.488.016)
Điều chỉnh nguyên giá theo quyết toán dự án	(4.339.349.286)	1.092.332.831	1.430.919.330	-	-	(1.816.097.125)
Phân loại lại	-	(736.424.043)	-	736.424.043	-	-
Số dư cuối năm	4.490.916.121.931	7.402.759.299.564	436.867.823.789	33.112.570.550	56.173.339.874	12.419.829.155.708
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	792.473.295.786	1.103.618.654.920	314.135.596.261	15.859.319.822	40.757.620.619	2.266.844.487.408
Khấu hao trong năm	182.700.022.201	430.099.713.246	24.582.070.767	2.474.113.552	4.840.248.412	644.696.168.178
Thanh lý	(556.066.439)	(4.684.887.204)	(4.715.371.174)	(301.326.732)	-	(10.257.651.549)
Xóa sổ	-	(655.488.016)	-	-	-	(655.488.016)
Phân loại lại	-	(648.615.838)	-	648.615.838	-	-
Số dư cuối năm	974.617.251.548	1.527.729.377.108	334.002.295.854	18.680.722.480	45.597.869.031	2.900.627.516.021
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.826.072.642.241	5.629.609.309.901	121.004.707.699	7.149.320.985	12.396.637.051	8.596.232.617.877
Số dư cuối năm	3.516.298.870.383	5.875.029.922.456	102.865.527.935	14.431.848.070	10.575.470.843	9.519.201.639.687

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có tài sản cố nguyên giá 673.652 triệu VND (1/1/2023: 669.624 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 9.404.831 triệu VND (1/1/2023: 8.420.086 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(b)).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác khoáng sản VND	Quyền khai thác, vận hành khu công nghiệp NHIZ VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	977.536.296.866	385.284.021.525	17.896.191.733	5.138.606.600	105.331.819	1.385.960.448.543
Tăng trong năm	-	-	(3.646.663.291)	-	-	(3.646.663.291)
Thanh lý	-	-	-	(71.664.000)	-	(71.664.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	977.536.296.866	385.284.021.525	14.249.528.442	5.193.442.600	105.331.819	1.382.368.621.252
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	70.094.656.945	2.479.857.547	7.171.997.850	4.192.770.207	105.331.819	84.044.614.368
Khấu hao trong năm	45.466.804.505	17.418.614.787	321.865.923	467.881.520	-	63.675.166.735
Thanh lý	-	-	(1.201.406.199)	-	-	(1.201.406.199)
Biến động khác	-	-	-	(20.576.398)	-	(20.576.398)
Số dư cuối năm	115.561.461.450	19.898.472.334	6.292.457.574	4.640.075.329	105.331.819	146.497.798.506
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	907.441.639.921	382.804.163.978	10.724.193.883	945.836.393	-	1.301.915.834.175
Số dư cuối năm	861.974.835.416	365.385.549.191	7.957.070.868	553.367.271	-	1.235.870.822.746

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 1.664 triệu VND (1/1/2023: 3.139 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Chung cư cho thuê VND	Nhà xưởng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.863.258.867	279.132.090.464	395.357.617.000	681.352.966.331
Nhượng bán	(1.888.779.005)	(121.376.158.314)	-	(123.264.937.319)
Số dư cuối năm	4.974.479.862	157.755.932.150	395.357.617.000	558.088.029.012
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.930.564.879	66.817.920.355	340.555.215.293	410.303.700.527
Khấu hao trong năm	136.045.725	11.283.445.012	13.178.587.476	24.598.078.213
Nhượng bán	(381.642.179)	(22.107.279.871)	-	(22.488.922.050)
Số dư cuối năm	2.684.968.425	55.994.085.496	353.733.802.769	412.412.856.690
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.932.693.988	212.314.170.109	54.802.401.707	271.049.265.804
Số dư cuối năm	2.289.511.437	101.761.846.654	41.623.814.231	145.675.172.322

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.375.792.992.689	379.876.492.995
Tăng trong năm	421.035.940.233	1.094.233.510.067
Tăng do mua công ty con	-	6.999.141.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(3.408.313.487)	(1.586.359.381)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.543.801.714.501)	(94.927.437.470)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(44.244.934.517)	(1.081.500.000)
Giảm trừ thu nhập phát sinh trong giai đoạn chạy thử	(69.179.711.869)	-
Biến động khác	(28.375.857.044)	(7.720.854.522)
Số dư cuối năm	107.818.401.504	1.375.792.992.689

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<i>Xây dựng cơ bản</i>		
Dự án khai thác lộ thiên khoáng sản Niken - Đồng	44.065.665.830	1.337.234.254.962
Dự án Thủy điện Bảo Lạc A	23.555.749.753	12.556.128.282
Các dự án khác	40.196.985.921	23.051.808.602
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>		
Công trình khác	-	2.950.800.843
Số dư cuối năm	107.818.401.504	1.375.792.992.689

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 44.066 triệu VND (1/1/2023: 1.337.234 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 25(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 40.809 triệu VND (2022: 39.785 triệu VND).

17. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.243.883.752	3.040.937.594
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.445.463.078	8.237.438.452
Số dư cuối năm	12.689.346.830	11.278.376.046

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Tiền thuê đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy thủy điện (*) VND	Chi phí giải phóng mặt bằng của các nhà máy điện gió VND	Quyền sử dụng khu đất 120 Định Công VND	Chi phí thuê hạ tầng VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	7.170.617.202	9.986.867.216	9.762.724.719	119.348.023.669	12.227.588.165	196.979.084.510	63.757.979.476	29.520.475.004	448.753.359.961
Tăng trong năm	5.370.320.293	13.170.728.590	-	-	-	-	-	38.358.095.728	56.899.144.611
Phân bổ trong năm	(6.538.171.057)	(7.694.088.028)	(79.764.464)	(2.941.642.855)	(248.432.575)	(4.050.983.743)	(1.658.424.548)	(42.444.987.498)	(65.656.494.768)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.070.561.993	-	-	-	-	-	-	42.174.372.524	44.244.934.517
Phân loại lại	(501.794.409)	212.519.340	-	-	-	-	-	289.275.069	-
Điều chỉnh theo quyết toán dự án	-	-	-	(5.336.558.508)	-	-	-	-	(5.336.558.508)
Điều chỉnh khác	(95.450.214)	-	-	-	-	-	-	-	(95.450.214)
Số dư cuối năm	7.476.083.808	15.676.027.118	9.682.960.255	111.069.822.306	11.979.155.590	192.928.100.767	62.099.554.928	67.897.230.827	478.808.935.599

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4, Trung Thu, Mông Ân được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng, Cục thuế Tỉnh Hà Giang và Cục thuế Tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ VND
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Trung Thu	Thông báo số 1091/TB-STC ngày 30/6/2016	70.790.693.435
Công trình thủy điện Mông Ân	Thông báo số 1217/TB-CT ngày 10/12/2019	21.334.749.436
		<hr/> 122.862.913.178 <hr/>

Tiền thuê đất đã được bù trừ trong các năm trước là 9.239.019.292 VND.

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Hàng tồn kho	2.611.849.364	2.604.929.833
Tài sản cố định	25.220.668.171	27.380.887.865
Bất động sản đầu tư	-	5.668.109.219
Xây dựng cơ bản dở dang	4.201.763.973	3.710.386.610
Các khoản khác	2.192.252.584	1.346.345.140
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.226.534.092	40.710.658.667
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(222.366.995.169)	(221.627.326.922)
Hàng tồn kho	(303.714.448)	(303.714.448)
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khi tăng vốn từ công ty liên kết thành công ty con	(52.402.000.000)	(52.402.000.000)
Lỗi chuyển nhượng công ty con	(757.751.421)	(757.751.421)
Các khoản khác	(29.156.255.394)	(40.891.245.322)
	<hr/>	<hr/>
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(304.986.716.432)	(315.982.038.113)
	<hr/>	<hr/>
	(270.760.182.340)	(275.271.379.446)

19. Lợi thế thương mại

	2023 VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	440.096.768.989
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	188.660.357.173
Phân bổ trong năm	35.094.373.829
Số dư cuối năm	223.754.731.002
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	251.436.411.816
Số dư cuối năm	216.342.037.987

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Siemens Energy Limited Company	96.229.903.174	-
Công ty Cổ phần Thịnh Cường	83.134.119.522	36.141.651.330
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	73.920.000.000	-
Zhongtian Technology Submarine Cable Co., Ltd.	-	124.684.713.236
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	-	88.085.345.260
Khác	795.317.927.051	1.036.050.052.686
	1.048.601.949.747	1.284.961.762.512

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	31.515.453.438	71.515.453.438
Ban Quản lý Đường sắt Đô thị	31.214.189.119	-
Powerchina (Lao) Sole Co., Ltd	19.166.033.051	-
Ban Quản lý Dự án Điện 2 - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12.996.913.020	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Western Pacific	-	87.260.088.143
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	-	83.740.909.091
Các khách hàng khác	41.887.589.638	77.899.901.613
	<hr/> 136.780.178.266	<hr/> 321.766.352.285

22. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2023		Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	31/12/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND			Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	(20.743.767)	17.943.034.318	146.587.956.160	(137.507.405.629)	-	27.002.841.082
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	169.092.151.321	(169.092.630.953)	(479.632)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(778.737.801)	78.445.761.369	89.085.885.338	(102.653.836.721)	(761.034.370)	64.860.106.555
Thuế thu nhập cá nhân	(1.544.941.908)	1.225.924.812	14.270.423.390	(12.390.227.396)	(265.779.457)	1.826.958.355
Thuế tài nguyên	-	2.213.500.830	98.363.542.456	(89.866.947.457)	-	10.710.095.829
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(328.898.620)	-	5.857.839.121	(5.571.765.206)	(280.115.578)	237.290.873
Thuế bảo vệ môi trường	-	185.023.000	46.083.395.972	(38.995.848.648)	-	7.272.570.324
Các loại thuế khác	-	54.842.236	14.268.538.652	(14.323.380.888)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	2.394.609.877	36.338.395.793	(37.196.491.902)	-	1.536.513.768
	(2.673.322.096)	102.462.696.442	619.948.128.203	(607.598.534.800)	(1.307.409.037)	113.446.376.786

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí trích trước lãi vay	63.043.534.451	80.162.599.231
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	14.333.821.819	126.302.653.086
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện và phong điện hoàn thành	93.386.367.366	104.628.991.869
Chi phí trích trước công trình xây dựng nhà máy khoáng sản hoàn thành	25.243.009.226	-
Chi phí phải trả khác	20.861.405.016	18.902.301.306
	216.868.137.878	329.996.545.492

24. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	2.127.550.317	1.946.967.580
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.273.002.527	455.860.231
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.918.719.672	1.121.825.863
Phải trả các đội xây lắp, ban chỉ huy công trình	22.291.589.264	3.708.222.705
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	1.922.165.960	1.440.307.926
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	37.940.430.492	356.169.000
Phải trả về thư tín dụng trả chậm (UPAS LC)	15.529.179.387	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.221.078.056	10.422.510.878
	102.223.715.675	19.451.864.183

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.845.031.988	11.297.283.088

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.231.035.358.111	5.514.940.650.896	(6.653.597.214.163)	-	2.092.378.794.844
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	446.229.109.963	741.398.563.981	(446.229.088.337)	3.114.364.104	744.512.949.711
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	-	1.586.588.808	-	-	1.586.588.808
	3.677.264.468.074	6.257.925.803.685	(7.099.826.302.500)	3.114.364.104	2.838.478.333.363

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	774.440.817.954	1.229.103.789.698
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	228.883.383.427	264.811.396.169
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	VND	283.545.093.202	436.326.026.864
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	227.759.337.190	562.870.172.288
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	215.792.607.518	305.917.475.964
Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	115.608.041.597	138.893.055.823
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	128.988.248.251	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Bank – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	53.591.299.638	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	4.853.534.209	166.966.190.893
Renova Renewables Vietnam 1 Pte. Ltd.	USD	-	98.394.146.028
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	2.258.907.851	3.285.784.384
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	-	12.127.320.000
Các đối tượng khác	VND	56.657.524.007	12.340.000.000
		2.092.378.794.844	3.231.035.358.111

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn (i)	7.461.804.212.519	7.547.420.389.793
Trái phiếu thường (ii)	1.183.899.763.518	1.179.165.749.777
Nợ thuê tài chính	2.401.737.458	3.832.765.316
	8.648.105.713.495	8.730.418.904.886
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(746.099.538.519)	(446.229.109.963)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.902.006.174.976	8.284.189.794.923

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất Năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	310.709.898.607	346.709.898.607
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(**)	2029	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Trung Thu	269.328.000.000	325.438.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	(*)	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sóng Nhiễm 4	148.000.000.000	160.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,7%	2028	Cầu 800 tấn ZCC9800W	55.900.000.000	68.300.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(**)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	386.968.395.700	428.768.395.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Mông Ân	386.100.000.000	437.580.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	152.212.523.972	152.212.523.972
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	305.034.568.179	335.082.568.179
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Tuyển quặng Niken - Đồng	983.905.248.588	922.730.554.943
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	(*)	2028	Tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Mạ kẽm Thái Nguyên	54.573.185.348	59.279.968.311

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Lãi suất Năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	(*)	2026	Xe ô tô Ford Everest	436.065.590	622.950.830
Asian Development Bank - A Loan	USD	5,52%	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	773.582.431.955	798.276.482.626
Asian Development Bank - B Loan	USD	Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 3 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	1.790.290.700.012	1.847.439.809.108
Export Finance Australia	USD	4,65% - 5,02%	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	707.275.348.923	729.852.772.256
Japan International Cooperation Agency	USD	Lãi suất thả nổi: Libor kỳ hạn 6 tháng cộng biên độ	2036	Tài sản hình thành từ Dự án Điện gió Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyễn	552.558.844.932	570.197.464.548
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	VND	9,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	364.929.000.713	364.929.000.713
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	4,2%	2025	Không có tài sản bảo đảm	100.000.000.000	-
Các cá nhân khác	VND	5,0% - 6,0%	2025	Không có tài sản bảo đảm	120.000.000.000	-
					7.461.804.212.519	7.547.420.389.793
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(744.512.949.711)	(446.229.109.963)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					6.717.291.262.808	7.101.191.279.830

Các khoản vay dài hạn từ một số ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 9.404.831 triệu VND (1/1/2023: 8.420.086 triệu VND) (Thuyết minh 13) và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 44.066 triệu VND (1/1/2023: 1.337.234 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Các cá nhân cho Công ty và các công ty con vay dài hạn không phải bên liên quan của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Các khoản vay này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.
- (**) Khoản vay này áp dụng lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của World Bank.

(ii) **Trái phiếu thường**

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá				
Lô 1	VND	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	2027	900.000.000.000	900.000.000.000
			<hr/>	<hr/>
			1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu			(16.100.236.482)	(20.834.250.223)
			<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng			1.183.899.763.518	1.179.165.749.777
			<hr/>	<hr/>

Các khoản trái phiếu này áp dụng lãi suất năm được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, trái phiếu được bảo đảm bởi một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI do một số cá nhân có liên quan nắm giữ và một số cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc do Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI sở hữu.

Mục đích phát hành trái phiếu dài hạn là để đầu tư vào lĩnh vực phát triển bất động sản khu công nghiệp thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Western Pacific từ các cổ đông hiện hữu và mua cổ phần phát hành mới, bao gồm cả việc bù đắp nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đã sử dụng để thực hiện giao dịch này, và bổ sung vốn lưu động của Công ty.

26. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	22.322.127.619	8.500.082.010	1.678.562.975	32.500.772.604
Dự phòng trích lập trong năm	31.213.427.933	-	-	31.213.427.933
Dự phòng sử dụng trong năm	(144.033.635)	-	(164.571.107)	(308.604.742)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.335.879.127)	(5.382.018.313)	(149.412.207)	(19.867.309.647)
Số dư cuối năm	39.055.642.790	3.118.063.697	1.364.579.661	43.538.286.148
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.405.730.805	3.118.063.697	-	12.523.794.502
Dự phòng phải trả dài hạn	29.649.911.985	-	1.364.579.661	31.014.491.646
	39.055.642.790	3.118.063.697	1.364.579.661	43.538.286.148

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	147.348.887.255	134.829.258.399
Trích lập trong năm	71.395.955.734	50.497.109.524
Sử dụng trong năm	(34.052.117.239)	(37.977.480.668)
Số dư cuối năm	184.692.725.750	147.348.887.255

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	2.351.596.490.000	711.136.556.786	22.906.800.000	708.285.511	-	244.289.305.040	65.313.759.426	1.305.280.035.901	1.579.604.809.575	6.280.836.042.239
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	352.733.530.000	-	-	-	-	-	-	(352.733.530.000)	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	97.424.400.000	97.424.400.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	459.825.388.155	77.106.515.568	536.931.903.723
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(49.074.558.865)	(1.422.550.659)	(50.497.109.524)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	16.754.289.769	-	(16.754.289.769)	-	-
Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	-	-	104.400.955	(104.400.955)	-	-
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	6.120.000.000	-	-	-	-	(6.120.000.000)	(40.002.442.467)	(40.002.442.467)
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	352.316.678.800	352.316.678.800
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	-	(116.709.425)	-	-	-	-	(116.709.425)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	28.498.142	-	4.214.021.501	(8.389.199.618)	(4.146.679.975)
Số dư tại ngày 1/1/2023 (chuyển sang trung gian)	2.704.330.020.000	711.136.556.786	29.026.800.000	708.285.511	(116.709.425)	261.072.092.951	65.418.160.381	1.344.532.665.968	2.056.638.211.159	7.172.746.083.371

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2023 (mang sang từ trung trước)	2.704.330.020.000	711.136.556.786	29.026.800.000	708.285.511	(116.709.425)	261.072.092.951	65.418.160.381	1.344.532.665.968	2.056.638.211.199	7.172.746.083.371
Tăng vốn tại công ty con bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	23.051.946.468	-	-	(2.879.601.168)	(14.627.261)	(20.157.718.039)	-	-
Tăng vốn góp tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	3.213.643.532	3.213.643.532
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	405.625.560.000	-	-	-	-	-	-	(405.625.560.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	139.972.323.571	163.060.665.930	303.032.989.501
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(70.711.269.837)	(684.683.897)	(71.395.955.734)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	34.532.668.031	-	(34.532.668.031)	-	-
Chia cổ tức tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(161.815.088.795)	(161.815.088.795)
Biến động do thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	(1.188.616.282)	-	(1.188.616.282)
Thu hồi một phần vốn tại công ty con nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát	-	-	(5.231.673.026)	-	-	-	-	7.399.664.309	26.304.385.185	28.472.376.468
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi đơn vị tiền tệ báo cáo	-	-	-	-	221.878.783	-	-	-	-	221.878.783
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	-	-	-	(2.890.000.000)	-	(2.890.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	3.109.955.580.000	711.136.556.786	46.847.073.442	708.285.511	105.169.358	292.725.159.814	65.403.533.120	956.798.821.659	2.086.717.131.154	7.270.397.310.844

- (i) Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 405.625.560.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (năm 2022: cổ tức bằng cổ phiếu trị giá 352.733.530.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 15% trên mệnh giá).

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	310.995.558	3.109.955.580.000	270.433.002	2.704.330.020.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	8.103.354.214	8.588.148.392
Trong vòng 2 đến 5 năm	21.353.478.791	17.298.712.921
Sau 5 năm	21.380.860.579	20.544.804.591
	50.837.693.584	46.431.665.904

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Kíp Lào	602.363	409.607	-	-
Đô la Úc	236.216	3.896.971.349	-	-
Đô la Mỹ	26.991.418	648.611.902.269	24.542.086	576.132.269.382

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2021	1.396.500.000	1.396.500.000
Công ty TNHH Dịch vụ Phú Giang	Không có khả năng thu hồi	2021	216.700.000	216.700.000
Công ty AG Ajikawa Corporation	Không có khả năng thu hồi	2006	12.373.726.137	12.373.726.137
Các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi	2007	1.285.920.000	1.285.920.000
			15.272.846.137	15.272.846.137

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.607.422.011.497	4.863.937.419.761
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	1.166.132.058.047	645.458.921.428
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	26.903.425.827	27.783.306.322
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	160.297.723.757	23.049.449.281
Doanh thu bán điện	1.460.798.810.292	1.715.214.147.037
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	994.824.547.901	956.608.926.162
Doanh thu khai thác, vận hành Khu Công nghiệp	614.102.201.835	79.567.779.381
Doanh thu bán khoáng sản	705.356.954.263	-
Doanh thu khác	39.402.050.449	45.982.520.952
	7.775.239.783.868	8.357.602.470.324

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp, cung cấp thiết bị điện và xây dựng hạ tầng khu công nghiệp	2.372.274.698.716	4.346.622.956.257
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	1.048.752.856.813	591.583.389.885
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	8.699.335.901	8.925.577.774
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	99.433.178.443	14.842.513.324
Giá vốn bán điện	724.542.698.502	753.927.624.279
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	976.253.338.260	933.213.028.354
Giá vốn khai thác, vận hành Khu Công nghiệp	475.527.762.175	66.215.473.545
Giá vốn bán khoáng sản	465.085.438.294	-
Giá vốn khác	31.282.682.219	40.677.367.966
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.716.745.172)	7.087.593.461
	6.194.135.244.151	6.763.095.524.845

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	124.286.757.899	83.368.697.832
Lãi từ hợp đồng hoán đổi lãi suất	37.054.307.890	5.816.195.867
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.026.085.555	5.130.852.925
Lãi bán hàng trả chậm chiết khấu thanh toán	3.107.431.620	693.106.470
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.081.031.891	185.641.052
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	9.286.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	138.398.333	11.527
	182.694.013.188	95.203.791.873

34. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	843.641.541.921	605.030.533.904
Chi phí phát hành trái phiếu	4.734.013.741	3.111.204.322
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.856.016.464	6.268.139.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	91.936.011.969	131.242.331.582
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	220.390.619	787.237.329
Chi phí khác liên quan đến khoản vay	22.578.035.297	18.982.306.339
Chi phí tài chính khác	364.841.845	1.275.506.441
	967.330.851.856	766.697.259.907

35. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	40.769.833	16.938.279
Chi phí nhân công	4.112.300.895	1.696.037.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.996.039.972	10.619.543.062
Chi phí khác bằng tiền	4.954.074.566	1.785.691.861
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	16.877.548.806	(22.509.218.729)
	55.980.734.072	(8.391.008.009)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.023.242.874	9.726.303.458
Chi phí nhân công	178.720.392.234	155.722.561.279
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.473.218.386	43.347.155.146
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	5.380.165.276	(906.381.073)
Thuế, phí, lệ phí	4.860.721.118	6.595.763.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.686.039.621	36.463.522.861
Chi phí khác	29.065.174.568	34.332.378.497
	335.208.954.077	285.281.303.728

37. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	397.179.895	10.728.715.716
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.492.833.632	2.651.661.223
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây lắp	5.382.018.313	
Thu nhập khác	3.523.618.906	6.349.270.552
	10.795.650.746	19.729.647.491

38. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Phân bổ quyền khai thác khoáng sản	11.366.701.126	45.466.804.505
Chi phí phân bổ quyền sử dụng khu đất 120 Định Công	4.050.983.743	4.050.983.742
Chi phí khác	13.315.206.746	11.587.479.006
	28.732.891.615	61.105.267.253

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.653.911.421.551	2.598.054.469.461
Chi phí nhân công	400.639.911.030	325.205.860.154
Chi phí khấu hao tài sản cố định	763.378.294.562	593.101.194.939
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng	8.618.981.204	(17.762.786.386)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.666.982.254.664	2.521.558.611.471
Chi phí khác	176.304.617.375	129.042.298.095
	5.669.835.480.386	6.149.199.647.734

40. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	77.519.561.152	132.730.636.595
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.876.801.694	1.217.738.427
	90.396.362.846	133.948.375.022
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(4.511.197.107)	(65.435.335.150)
	85.885.165.739	68.513.039.872

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	388.918.155.240	605.444.943.595
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	77.783.631.048	121.088.988.719
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất không làm phát sinh chênh lệch tạm thời	9.101.923.739	7.362.629.413
Thu nhập không bị tính thuế	-	(1.857.240)
Biến động chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	27.265.259.748	(21.960.987)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.478.022.148	3.719.212.529
Ưu đãi thuế	(49.376.581.072)	(66.620.337.499)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trên sổ tính thuế	6.042.995.888	2.696.977.536
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác tại công ty con	(520.390.729)	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	12.876.801.694	1.217.738.427
Khác	233.503.275	(928.351.026)
	85.885.165.739	68.513.039.872

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, ngoài các ưu đãi thuế sau đây, Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).
- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A có lợi nhuận chịu thuế (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).
- Đối với Dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4 có lợi nhuận chịu thuế (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Đối với Dự án Thủy điện Trung Thu, Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Trung Thu có lợi nhuận chịu thuế (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).
- Đối với Dự án Thủy điện Mông Ân, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc, một công ty con của Công ty, được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án Thủy điện Mông Ân có lợi nhuận chịu thuế (từ 2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2024 đến 2032).
- Đối với Dự án Phong điện Liên Lập, Phong Nguyên, Phong Huy, Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên, Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy, các công ty con của Công ty, được hưởng suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% lợi nhuận chịu thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép các công ty con này được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm tròn năm đầu tiên các dự án điện gió có lợi nhuận chịu thuế (từ 2022 đến 2025) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2026 đến 2034).
- Đối với Dự án Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ các hoạt động đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng, tiện ích và cung cấp dịch vụ cần thiết cho hoạt động của Khu Công nghiệp.
- Đối với Dự án của Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên, một công ty con cấp 2 của Công ty, được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong thời hạn 10 năm tính từ năm đầu tiên có doanh thu dự án đầu tư. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2021 và 2022) và giảm 50% số thuế trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2026).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***41. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022	2022 Theo báo cáo trước đây
		Đã điều chỉnh lại	
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	139.972.323.571	459.825.388.155	459.825.388.155
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(13.997.232.357)	(70.711.269.837)	(49.074.558.865)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	125.975.091.214	389.114.118.318	410.750.829.290
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	310.995.558	310.995.558	270.433.002
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	405	1.251	1.519

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty tạm ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận thuần trong năm 2023.

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Trong năm, Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty của năm 2022 với số tiền 70.711.269.837 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Ngoài ra trong năm 2023, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/BB-PC1-HĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023. Theo đó, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 15% vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tương đương 405.625.560.000 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2023	2022 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	270.433.002	235.159.649
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	-	35.273.353
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm nay	40.562.556	40.562.556
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	310.995.558	310.995.558

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	Theo báo cáo trước đây VND	2022 Điều chỉnh VND	Đã điều chỉnh lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.519	(268)	1.251

42. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị		
Ông Trịnh Văn Tuấn	1.810.000.000	5.557.000.000
Ông Vũ Ánh Dương	270.000.000	345.000.000
Ông Võ Hồng Quang	270.000.000	345.000.000
Ông Nguyễn Minh Đệ	270.000.000	345.000.000
Ông Mai Lương Việt	270.000.000	345.000.000
Lương, thưởng và phúc lợi khác của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Vũ Ánh Dương	1.125.749.371	1.965.165.439
Ông Võ Hồng Quang	871.136.214	1.449.997.571
Ông Nguyễn Minh Đệ	1.180.868.000	1.131.850.000
Ông Đặng Quốc Tường	994.540.361	1.816.681.299
Ông Nguyễn Nhật Tân	878.279.634	1.130.577.650
Ông Vũ Văn Từ	-	52.165.000
Thù lao của Ban Kiểm soát		
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Văn Cường	24.000.000	24.000.000
Ông Hoàng Văn Sáng	24.000.000	24.000.000

43. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	405.625.560.000	352.733.530.000
Vốn hóa chi phí khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang	1.953.180.857	518.792.564

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

TỜ TRÌNH

V/v: Nội dung thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội như sau:

I. Phương án trả cổ tức năm 2023; Kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2024

1. Phương án trả cổ tức năm 2023:

- Trả cổ tức năm 2023:
 - + Đại hội cổ đông năm 2023 đã thông qua KH trả cổ tức: 15%/Vốn điều lệ.
 - + HĐQT trình mức trả: 15%/Vốn điều lệ.
- Hình thức: Trả 15% bằng cổ phiếu.
- Thời gian hoàn thành: Trong Quý IV/2024.

2. Kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2024:

- Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 525 tỷ đồng.
- Kế hoạch chi trả cổ tức: 15%/Vốn điều lệ.

II. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn năm 2024

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

1. Nguồn thù lao của HĐQT: Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định;
 2. Thù lao của Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.
 - + Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Hàng năm Hội đồng quản trị sẽ báo cáo số thực chi thù lao của mỗi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

III. Trích lập các quỹ năm 2023 và kế hoạch năm 2024

1. Trích lập các quỹ năm 2023

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành: Không trích.

2. Kế hoạch trích lập các quỹ năm 2024

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.



- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành:
 - + Trường hợp đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế, mức trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế (LNST trích không bao gồm lợi nhuận từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư).
 - + Trường hợp không hoàn thành KH kinh doanh thì không trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành.
 - + Trường hợp vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế, Mức trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch và 5% phần lợi nhuận sau thuế trên giá trị vượt kế hoạch. (LNST trích không bao gồm lợi nhuận từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư).
 - + Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thưởng cụ thể của Ban quản lý điều hành.

IV. Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023:

1. Các căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần tập đoàn PC1

2. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần tập đoàn PC1
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 310.995.558 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 310.995.558 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức 2023: 46.649.333 cổ phiếu.
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 466.493.330.000 đồng.
- Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 15% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền và cứ 100 quyền sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức).
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện

quyền nhận cổ tức năm 2023, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 8 cổ phiếu, số quyền được hưởng là 8, tương đương với số cổ phiếu trả cổ tức được nhận theo tỷ lệ phát hành là $8 \times 0,15 = 1,2$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống nêu trên, số cổ phiếu trả cổ tức mà cổ đông Nguyễn Văn A được nhận là 1 cổ phiếu; 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- Nguồn vốn phát hành: từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán ngày 31/12/2023.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023.
- Hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế.
- Thời gian phát hành dự kiến: trong năm 2024, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận đợt phát hành, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối trực tiếp cho các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức.

3. Ủy quyền cho HĐQT:

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Lập các văn bản, hồ sơ báo cáo phát hành nộp UBCK Nhà nước;
- Lựa chọn thời gian chốt danh sách cổ đông và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hoàn thành trong Quý IV năm 2024;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn thành việc phát hành;
- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc đăng ký điều chỉnh tăng vốn Điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và sửa đổi nội dung của Điều lệ (phần nội dung liên quan đến vốn điều lệ) tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo kết quả của phương án phát hành;
- Thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX);
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Xử lý các vấn đề phát sinh khác trong quá trình phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo quy định hiện hành.

V. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Ông Mai Lương Việt - Thành viên Hội đồng quản trị có Đơn từ nhiệm kể từ ngày 01/02/2024 và đã được Hội đồng quản trị thông qua trong cuộc họp ngày 31/01/2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 của ông Mai Lương Việt theo Đơn từ nhiệm.

VI. Sửa đổi một số Điều khoản của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

1. Các căn cứ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (“Luật doanh nghiệp 2020”);
- Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 (“Luật số 03/2022/QH15”);
- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn PCI.

2. Nội dung sửa đổi

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi một số điều, khoản của Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:

- Nội dung sửa đổi: Theo phụ lục đính kèm Tờ trình.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi đã được ĐHCĐ thông qua. Giao Tổng giám đốc thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định.

Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trịnh Văn Tuấn

PHỤ LỤC

(Đính kèm Tờ trình số 01/TTr-PC1-HĐQT ngày 04 tháng 4 năm 2024)

I. Sửa đổi một số Điều, khoản trong Điều lệ Công ty

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 1 Điều 21	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>đur hop tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.
Khoản 2 Điều 21	2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>đur hop tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.

II. Sửa đổi một số điều, khoản của Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 10 Điều 5	10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>đur hop tán</u>	10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết</u>	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p><u>thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>.....</p> <p>b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>đur họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><u>tai cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>....</p> <p>b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PCI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



Số: Q/Tr-BKS-PC1

Hà nội, ngày 04 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về: Lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

1. Các căn cứ.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI;
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2024.
- Căn cứ BCTC hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

2. Nội dung trình.

Thực hiện mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành, hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch trên thị trường chứng khoán đối với các Công ty đã thực hiện niêm yết.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua kế hoạch lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 như sau :

- Phê duyệt danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 trong nhóm Big 4 (bao gồm Công ty TNHH KPMG Việt Nam; Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH PwC Việt Nam).
- Giao Tổng giám đốc lựa chọn 01 trong 04 đơn vị trên để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với mức giá phí hợp lý, phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty.

Trân trọng kính trình !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Hải Hà



CÔNG TY TNHH PCI-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI ngày 26/04/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các báo cáo sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024, trong đó:
 - Kết quả thực hiện năm 2023:

Tổng doanh thu	: 7.775 tỷ đồng; Đạt: 82% KH.
Lợi nhuận sau thuế	: 303 tỷ đồng; Đạt 59% KH.
Cổ tức	: 15%; Đạt 100% KH.
 - Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:

Tổng doanh thu	: 10.822 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	: 525 tỷ đồng
Cổ tức	: 15%
- Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát Công ty tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua các nội dung sau:

1. Phương án trả cổ tức năm 2023; Kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2024.

1.1 Phương án trả cổ tức năm 2023:

- Trả cổ tức năm 2023:
 - + Đại hội cổ đông năm 2023 đã thông qua KH trả cổ tức: 15%/Vốn điều lệ.
 - + HĐQT trình mức trả: 15%/Vốn điều lệ.
- Hình thức: Trả 15% bằng cổ phiếu.
- Thời gian hoàn thành: Trong quý IV/2024.

1.2. Kế hoạch lợi nhuận và trả cổ tức năm 2024:

- Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 525 tỷ đồng.
- Kế hoạch chi trả cổ tức: 15%/Vốn điều lệ.

2. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tập đoàn năm 2024

- Nguồn thù lao của HĐQT: Trích tối đa bằng 1% Lợi nhuận sau thuế hợp nhất, mức thù lao của mỗi thành viên do HĐQT quyết định;
- Thù lao của Ban kiểm soát:
 - + Trưởng Ban kiểm soát: 6.000.000 đồng/tháng.
 - + Thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Hàng năm Hội đồng quản trị sẽ báo cáo số thực chi thù lao của mỗi thành viên tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

3. Trích lập các quỹ năm 2023 và kế hoạch năm 2024

3.1 Trích lập các quỹ năm 2023

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành: Không trích.

3.2 Kế hoạch trích lập các quỹ năm 2024

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Tỷ lệ trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành:
 - + Trường hợp đạt kế hoạch lợi nhuận sau thuế, mức trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế (LNST trích không bao gồm lợi nhuận từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư).
 - + Trường hợp không hoàn thành kế hoạch kinh doanh thì không trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành.
 - + Trường hợp vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế, Mức trích quỹ thưởng Ban quản lý điều hành là 2% lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch và 5% phần lợi nhuận sau thuế trên giá trị vượt kế hoạch. (LNST trích không bao gồm lợi nhuận từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư).
 - + Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định hình thức và mức thưởng cụ thể của Ban quản lý điều hành.

4. Phương án tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

4.1 Các căn cứ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần tập đoàn PC1

4.2 Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần tập đoàn PC1
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 310.995.558 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 310.995.558 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức 2023: 46.649.333 cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 466.493.330.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 15% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành, tương đương với tỷ lệ thực hiện quyền 100:15 (tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền và cứ 100 quyền sẽ nhận được 15 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức).
- Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Toàn bộ số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) phát sinh sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2022, Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 8 cổ phiếu, số quyền được hưởng là 8, tương đương với số cổ phiếu trả cổ tức được nhận theo tỷ lệ phát hành là $8 \times 0,15 = 1,2$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn xuống nêu trên, số cổ phiếu trả cổ tức mà cổ đông Nguyễn Văn A được nhận là 1 cổ phiếu; 0,2 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- Nguồn vốn phát hành: từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán ngày 31/12/2023.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023.
- Hạn chế chuyển nhượng: Không hạn chế.
- Thời gian phát hành dự kiến: trong năm 2024, ngay sau khi được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận đợt phát hành, đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối trực tiếp cho các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức.

4.3 Ủy quyền cho HĐQT:

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Lập các văn bản, hồ sơ báo cáo phát hành nộp UBCK Nhà nước;
- Lựa chọn thời gian chốt danh sách cổ đông và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hoàn thành trong Quý IV năm 2024;

- Thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan để hoàn thành việc phát hành;
- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện việc đăng ký điều chỉnh tăng vốn Điều lệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, và sửa đổi nội dung của Điều lệ (phần nội dung liên quan đến vốn điều lệ) tương ứng với số cổ phần phát hành thêm theo kết quả của phương án phát hành;
- Thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX);
- Thực hiện các công việc khác có liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để chia cổ tức nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và lợi ích hợp pháp của Công ty;
- Xử lý các vấn đề phát sinh khác trong quá trình phát hành cổ phiếu trả cổ tức theo quy định hiện hành.

5. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025

Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 đối với ông Mai Lương Việt.

6. Sửa đổi một số Điều khoản của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty

- Thông qua nội dung sửa đổi một số Điều, khoản của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty: chi tiết theo phụ lục đính kèm
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi đã được ĐHCĐ thông qua. Giao Tổng giám đốc thực hiện việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định.

7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024

- Phê duyệt danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 trong nhóm Big 4 (bao gồm Công ty TNHH KPMG Việt Nam; Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH PwC Việt Nam).
- Giao Tổng giám đốc lựa chọn 01 trong 04 đơn vị trên để thực hiện ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán với mức giá phí hợp lý, phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty.

Điều 3. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/04/2024. Các ông bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HOSE (Báo cáo);
- HĐQT, BTGD, BKS;
- Các cổ đông;
- Lưu VP

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Trịnh Văn Tuấn

PHỤ LỤC

(Đính kèm Nghị quyết số 01/NQ-PC1-DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024)

I. Sửa đổi một số Điều, khoản trong Điều lệ Công ty

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 1 Điều 21	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.
Khoản 2 Điều 21	2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>dự họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u> , trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.

II. Sửa đổi một số điều, khoản của Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 10 Điều 5	10. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất	10. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua: a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ	Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.

Điều, Khoản sửa đổi	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Nội dung Quy chế sau khi sửa đổi	Lý do sửa đổi
	<p>cả cổ đông <u>đự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>.....</p> <p>b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>đự họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><u>đồng tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p> <p>....</p> <p>b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông <u>tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	





Phiếu

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PCI**

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên người dự họp:

Số CMT/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN:

Địa chỉ:

Số cổ phần sở hữu/đại diện:

Phiếu

Ký tên:

Ghi chú:

- 01 cổ phần phổ thông tương ứng với 01 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu bằng số quyền biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết này chỉ có giá trị sử dụng tại ĐHĐCĐ thường niên 2024 của PCI.